

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA RA HÀNG TUẦN

Mục lục

- | | |
|--|----------------------------|
| * Lời văn diễn thuyết... | <i>Hoa-Bằng</i> |
| * Sách vệ sinh bằng quốc-ngữ | <i>Nguyễn-văn-Tổ</i> |
| * Một giai thoại tặng các nhà
viết sử | <i>Ái-Lang và Bích-Câu</i> |
| * Đại-Nam dật sự (X) | <i>Ứng-Hòa</i> |
| * Việt-nam khoa-học ngữ (II) | <i>Nguyễn-trọng-Thuyết</i> |
| * Những lời di chúc của mấy
danh nhân Đông, Tây (I) | <i>Phạm-mạnh-Phan</i> |
| * Tạo hóa và nhân loại (IX) | <i>Minh-Tuyên</i> |
| * Những ông nghề triều Lê (LXIII) | <i>Nguyễn-văn-Tổ</i> |
| * Các bức khoa-bảng... (Hết) | <i>Trần-huy-Bá</i> |
| * Văn-học phụ nữ Hải cảng | <i>Lòng-Điền</i> |
| * Cháy cung, chương võ (Tiểu thuyết, V) | <i>Chu Thiên</i> |



Tòa Báo : 95-97, phố Chancéaulme, Hanoi

Một năm 12\$ 00 — 6 tháng 6\$50 — 3 tháng 3\$50 — Mỗi số 0\$30

Lời văn diễn-thuyết

của ta có từ bao giờ ?

HOA-BẮNG

TRƯỚC khi dựa theo sử sách ta xưa, khảo xem lời văn diễn thuyết của người mình có từ bao giờ, tôi hằng xin mượn lời bác-sĩ Cương-Dã Anh Thái - lang trong cuốn *Diễn thuyết học* nói qua về công-dụng của diễn thuyết :

« Diễn thuyết là lợi dụng chút thời-giờ ít mà bày-tỏ được tư - tưởng nhiều. ... Cũng như các môn mỹ-thuật về hội - họa, âm-nhạc, v.v., diễn thuyết có ích cho xã-hội. Đó là điều đáng tin chắc, muốn đời không xoá bỏ được. » Và : « Trong khi có việc, quốc-gia sẽ được sung-sướng hay phải đau - đớn, công - cuộc gấp-rút cần phải quyết-định trong một sớm, một chiều. Nhà chính-trị uốn ba tấc lưỡi có thể cổ - vũ được cái dũng khí của vài muôn quân-linh, khiến họ coi việc nghĩa nặng như Thái-sơn, cho cái chết nhẹ như lông hồng. Diễn - giả đem chước hay mà liệu tình công-cuộc ở ngoài nghìn dặm để gỡ quốc vận đang nguy như trứng kê dầu đang... »

Lắm người cho rằng, trước khi Âu-hóa, người mình chưa có lời văn diễn - thuyết. Tưởng vậy là lầm. Thực ra, xưa kia, nước ta đã có những thề diễn thuyết

như lời tôn-chỉ thuyết giáo và lời cộng chúng chính luận rồi. Chẳng qua diễn thuyết, đối với ta xưa, chỉ có tính cách đặc-biệt hãn hữu, chứ không thông thường và hằng thấy như ngày nay.

Tôn-chỉ thuyết giáo tức là lời nhóm-hợp tín-dồ mà diễn-giảng cho họ nghe những đạo lý răn dũ khuyên lành, cải tà quy chính. Lời này tức như hồi Lý, Trần, các vị đại đức, thượng sĩ thường họp đông đủ thiện tín mà thuyết pháp trước mặt đại chúng về những vấn-đề như tam quy, ngũ giới, tiều thừa, đại thừa...

Còn lời cộng-chúng chính luận ? Tức là lời diễn thuyết trước công-chúng để bàn luận về những quân quốc trọng sự, chẳng hạn như vua Lê Thái-Tổ dụ bảo tướng-sĩ hoặc người trong nước ở những khi hoặc bị khốn-đốn với giặc Ngô, hoặc phải tìm cách đối-phó với người Minh đã hàng phục... Nay tôi riêng nói đến lời diễn-thuyết về quân quốc đại sự.

Bài hịch văn của đức Trần Hưng-Đạo tuy có tính-cách nói với các tỳ-tướng sau khi trao cho họ cuốn *Binh thư yếu lược* (1), nhưng đó là ngài dụ-bảo họ bằng lời văn, chứ không phải lấy lời nói mà nói thẳng với họ, nên ta không thể kể cái bài có những câu hùng-khến như « bêu đầu

Tất-Liệt (2) ở dưới cửa cung-khuyết, vằm nát thịt Văn-nam phương (3) ở chốn Cảo-nhai (4) » là thề văn diễn-thuyết được.

Ai đã cầm cờ tiên-phong trong lời diễn thuyết về quân-sự ? Ta phải kể vua Lê Thái-Tổ trước tiên.

Những điều ngài nói, tuy sử sách chỉ chép vắn-tắt ngắn ngủi ít lời, nhưng nó có sức mạnh bằng mấy mươi vạn tay súng và sắc-bén bằng ức, triệu, kinh, cái lưỡi gươm.

Năm Nhâm-dần (1422). Bấy giờ đức Lê Lợi còn mang cái danh-hiệu là Bình-dịnh-vương, đang chật-vật chiến-dấu với quân Minh ở vùng Thanh-hóa. Tháng chạp năm ấy, ngài từ Ba-lâm (thuộc huyện Lỗ-giang ?) tiến đến trại Quan-du (nay là châu Quan-hóa thuộc Thanh-hóa), thì tướng Minh Mã-Kỷ ước-hẹn với nước Ai-lao kéo đến : đồng thời giáp công cả phía sau lẫn mặt trước.

Quân ta bất lợi, ngài phải rút lui đóng đồn ở sách Khôi, lại bị quân giặc hợp binh vây hãm. Trước tình thế nguy-hiêm và gian-chuân ấy, ngài phải lã-chã lệ anh-hung, nói trước mặt các tướng sĩ bằng những lời diễn thuyết rất vắn-tắt mà rất hùng-hồn, thống-thiết :

— « Giặc dương bốn mặt vây hãm gấp rút ! Ta đánh riết thì còn, không đánh riết thì hỏng mất đấy ! »

Cảm-dộng vì mấy câu diễn-dụ mỗi tiếng là một giọt máu, mỗi lời là một hàng lệ ấy, mọi người thấy đều gâng-gò, ganh đua liều chết đánh giặc.

Kết quả: các tướng Lê Lĩnh, Phạm Văn, Lê Hào, Lý Triện hàng-lai đi trước, xông xáo giữa vòng trận, chém được Minh tham-tướng Phùng Quý và hơn 1000 thổ-cấp lính Tàu. Tướng Minh là bọn Mã-Kỳ, Trần Trí đều chạy bạt cả. Còn quân Ai-lao cũng phải trốn nốt. (6)

Trải mười năm (1418-1428) phấn-đấu, vượt qua bao nỗi khó-khăn rùng-rợn, đức Lê Lợi mới hái được bông trái thắng lợi cuối cùng (Đinh-vi, 1427): đuổi sạch người Minh về nước !

Phải, bấy giờ là tháng chạp, nam Bình-dinh vương thứ mười (1427), bọn Vương Thông, tướng Minh, sau khi đã đại bại dưới bóng cờ hùng-kiến trung dũng của chiến-sĩ Đại-Việt, luống-cuống lập-cấp, không đợi tờ chiếu cho rút quân của Minh Tuyên-Tông (1426-1435) đưa đến, đã vội trước kéo bộ-binh, qua sông Nhị, và cho quân thủy lục-tục theo sau, khăn gói về Tàu...

Người nước ta vốn căm giặc Minh tàn ngược, được dịp chiến thắng này, ai cũng muốn ứng-dụng ngay lời đức Thánh Khổng đã dạy: « Dĩ trặc báo oán ! »

Đề làm dịu ngọn lửa « công phẫn » của dân-chúng và ngăn-ngừa cái ý họ muốn thết sống những quân giặc Ngô độc-ác kia, vua Lê Thái-Tổ (1428-1433) lại

phải một phen diễn thuyết dụ-bảo họ: « Rửa thù, trả oán, vẫn là tình thường của mọi người; nhưng không dễ giết hại, ấy là bản tâm của người nhân. Ta, người ta đã hàng mà mình lại giết đi, thật không còn điều gì chẳng lành hơn thế. Với đảng làm cho hã giận một lúc, để mang tiếng muôn đời là giết kẻ đã hàng, sao bằng cho sống muôn ức mạng người để dập tắt mọi chiến-tranh về sau: sử xanh ghi chép, tiếng thơm để mãi nghìn thu, há chẳng tốt lắm nhĩ ? » (7).

Trung-hậu làm sao, văn-minh làm sao, mấy lời diễn-văn đầy nhân-đạo ấy! Thật vẹn- vẹn chỉ nhờ có bấy nhiêu câu mà bằng ức vạn người Minh được toàn-hoạt tính-mạng !

Thật thế, kết quả của bài diễn-thuyết đó đưa người Minh đến chỗ được tằm gọi ơn huệ của dân Đại-Việt: Bọn tướng Minh là lũ Phùng Chính, Mã Kỳ được lĩnh 500 chiếc thuyền mà đi đường thủy, lũ Sơn-Thọ, Hoàng-Phúc được lĩnh lương thảo mà đi đường bộ, lũ Mã Anh được lĩnh hơn hai vạn tù-binh và hai vạn ngựa mà về Tàu, đúng như lời nhà cứu-quốc Nguyễn Trãi (1380-1442) đã tả trong bài *Bình Ngô đại cáo*:

« Tướng giặc bị cầm, cung-cúc thấy cúp đuôi hồ dơi ;

« Lòng Trời ưa sống, xót thương ta tỏ dạ người nhân ». (Dịch).

Cũng cái giọng lòng-tráng như vua Lê Tổ, cũng cái khí « nuốt sao Ngâu » như Phạm Ngũ-Lão, tướng-quân, vua Quang Trung

(1788-1793), cưỡi voi, mạnh mẽ, nghiêm nghị, ở trước trận-de anh Nghê-an, cái tiếng sang-ảnh như chuông đồng, diễn thuyết cho tướng sĩ năm dinh Trung, Tiền, Hậu, Tả, Hữu lĩnh tức ngồi nghe trước ngày 30 tháng chạp năm Mậu-thân (1788), kéo ra Thăng-long chu giết 20 vạn quân Tôn Sĩ Nghị :

« Quân Thanh kéo sang xâm lấn, hiện đương chiếm cư Thăng-long, các người đã hay tin chưa ?

« Trong vòng trời đất, chia theo phân sao Dực, Chấn, Nam Bắc vẫn riêng một non sông. Người Tàu không phải nói giống ta thì tất khác lòng khác dạ. Từ nhà Hán về sau, họ cướp đất-dai ta : đá thịt nhân dân, vợ-vết của-cải ; nông-nô ấy thật khó chịu quá ! Người nước ai cũng phải nghĩ đánh đuổi đi.

« Đời Hán, có Trưng nữ vương ; đời Tống có Đinh Tiên-hoàng (8), Lê Đại-hành ; đời Nguyên, có Trần Hưng-dạo, đời Minh, có Lê Thái-Tổ. Các cụ không nở bó tay ngồi nhĩ quân Tàu tàn-bạo, nên phải thuận lòng người, dấy quân nghĩa, đánh thẳng chúng rồi đuổi cõ về Tàu. Trong những khi ấy, Nam Bắc đâu lại phẫn đó, bờ cõi yên ổn, vạn nước lâu dài. Từ nhà Đinh tới nay, chúng ta không đến nỗi phải cái khổ thuộc nước Tàu như xưa nữa. Đó, lợi, hại, được, thua, chuyện cũ rành-rành là thế !

(Xem tiếp trang 21)

SÁCH VỆ-SINH BẢNG QUỐC-NGŨ

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ



ÁCH quốc-ngũ nói về vệ-sinh thì hiện nay chỉ có sách cho học-tử học; nhiều người rõ ràng soạn rất cẩn thận, học được một ít. Đến như là làm ruộng cho người thường xem thì chưa thấy có quyển nào viết theo cảnh-ngộ và lối sinh-hoạt của nước ta. Cảnh-ngộ và lối sinh-hoạt mỗi nơi mỗi khác, như ở thành-thị là nơi đông-dân, chỗ ở phần nhiều chật-hẹp ẩm thấp, không được thoáng như ở nhà-quê, tất-nhiên không - khi trong-sạch có ít; vả lại sự ăn ngủ cũng không được điều-độ; như thế mà muốn giữ - gìn cho sức khoẻ thì phải làm thế nào? .. Ở nhà-quê, chỗ ở rộng - rãi, hô-hấp được nhiều không-khí tốt, nhưng phần nhiều nuôi lợn thả dơng, có khi làm chuồng lợn, chuồng trâu, gần nhà quá; lại có những ao bần thiu, người đến rửa rau, vo gạo, giặt quần giặt áo... nếu có nhà chuyên môn xem xét kỹ-rõng, làm sách khuyên bảo, thì thật giúp ích biết bao!

Mới đây ông P. N. Khue có làm một quyển « *Cải tạo sinh lực* », phần thực hành trong bộ *Sức khoẻ mới*, do nhà Hàn-Thuyên xuất bản, dày 270 trang 13x19. Làm ra thuận về thuyết mới, nên có nhiều chỗ quá-dang và nhiều chữ sai-phạm, như bài tự-luận có câu: « Phần đông dân quê và thợ thuyền...thờ - ơ với

sức khoẻ » (trang 1X), « Bình tĩnh mà nói thì ở xã hội ta ngày nay, rất ít người quan tâm một cách triệt - đề đến sức khoẻ » (trang X)...Thế sao lại có câu « Không ốm, không đau, làm giàu mấy chốc »?

Ở thiên thứ nhất, nói về an uống », ông cho là tại ăn gạo nhiều, nên sinh nhiều « hoá ». Nguyên-van của ông như thế này: « Tự bao nhiêu đời rồi, chúng ta chỉ biết có cơm, chỉ thích ăn cơm nhiều hơn cả, cho nên ngày nay giống nòi nhỏ bé yếu đuối. Đưa trẻ sinh vào một gia đình thiếu ăn như thế, khi đẻ ra đã kém rồi: người nhỏ cân nhẹ, bú ít, dễ mắc những chứng bệnh sâu rang, loét mắt, tả lý, sởi, sùi, sùi kính, ho gà, đau phổi. Phần nhiều là chết yểu » (trang 24). « Không những con nhà nghèo chỉ có cơm mà ăn, đến những con nhà khá giả, cũng chẳng biết ăn gì hơn nữa, tất cả đều cùng một số phận. Còn những người lao - động, sau khi đã làm lưng rất mệt nhọc, lại hay ăn nhiều cơm, tưởng rằng sẽ lấy lại được sức. Thử ra chỉ làm hư dạ dày » (trang 25). Rồi ông kết rằng: « Xét ra, cơm là một thứ đồ ăn khổ tiêu, nhất là cơm gạo chiêm » (trang 26).

Người Pháp nói khác hẳn, thí dụ như ông J. Cardot làm chánh sở khoa-học và thống-kê ở Cục kinh-lễ Đông-dương (chef du Service scientifique et statistique

de l'Agence économique de l'Indochine) ông nói « Gạo là một thứ ăn rất tốt, rất lành, rất bổ, mà lại rất rẻ tiền. Hội khoa-học khảo về vệ-sinh các thức ăn và cách an uống chợ hợp lý » đã chứng minh rằng 100 gam gạo bỏ bằng 46 gam bơ, bằng 87 gam đường, bằng 98 gam bún tây, bằng 102 gam biền-đậu, bằng 120 gam sườn lợn hay sườn cừu, bằng 135 gam bánh tây trắng, bằng 185 gam thịt bò than, bằng 241 gam gà giò, bằng 450 gam cá mè tươi, bằng 500 gam khoai tây, bằng ba hay bốn quả trứng tùy to nhỏ, và bằng một nửa lít sữa » (Le riz est un excellent aliment, des plus sains, des plus nutritifs, et en même temps des plus économiques. La Société scientifique d'hygiène alimentaire et d'alimentation rationnelle de l'homme a établi que 100 grammes de riz nourrissent autant que 46 grammes de beurre, que 87 grammes de sucre, que 98 grammes de macaroni ou autres pâtes, que 102 grammes de lentilles, que 120 grammes de côtelettes de porc ou de mouton, que 135 grammes de pain blanc, que 185 grammes de filet de bœuf, que 241 grammes de poulet, que 450 grammes de harengs frais, que 500 grammes de pommes de terre, que 3 ou 4 œufs, selon leur grosseur, et qu'un demi-litre de lait. — J. Cardot, *Le riz dans le monde et en Indochine* trang 10).

Giá ông P. N. Khuê dẫn dụ như thế, rồi ông kết rằng: cơm ăn với những thứ gì thì mới thành một món ăn hoàn-toàn, — không nên mới cơm cho trẻ con, hay cho trẻ con ăn cơm sớm quá, — cần phải kiêng cơm trong khi có bệnh, v.v. Nói như thế thì có lẽ nhiều người tin lời ông là phải. Đáng này ông lại viết những câu như thế này: «...bữa ăn hay có canh hoặc nước rau, nước dưa, hoặc nước vối, nước lá để chana vào cơm. Trong mười người thì có đến bảy tám người không ăn khau được. Những người ăn khau được thì ngay lúc vừa ăn xong, ngay trong khi, sủa răng cũng phải uống một chén tống hoặc một bát nước chè hay nước gỏi » (trang 27-28).

Người xem đến đây tất cho là ông nhầm, vì không riêng người Nam vừa ăn vừa uống, cả người Tây cũng thế: tuy họ không ăn canh như ta, nhưng mỗi bữa đều có rượu vang, — nay không có rượu vang thì dùng rượu bia, — người nào không uống được rượu thì uống nước lọc. Vả lại, hai tiếng « ăn uống » đi với nhau không phải là không có lý.

Ông Khuê dẫn câu « rau cháo qua thì » và câu « ăn cho xong bữa » (ở trang 27) để làm chứng

cho tạt an nhanh, nhưng hai câu ấy không phải nghĩa thế: người ta thường nói đề tạt an, nghèo, tạt cảnh người không sắm được những thức ăn ngon, ăn dở, bữa nào cũng « rau cháo » cho « qua » lúc đói, cho « xong lần », chứ không phải là nghĩa « an nhanh ».

Không những dẫn sai, ông Khuê lại còn dùng sai từ sai. Như trang XII, ông hỏi « Làm thế nào để khỏi trông thấy... những người lớn gầy như que củi, vàng như thị rặng, vừa ngủ vừa dỗi vừa gian, vừa bèn ? » Ngủ dỗi thì hóa bèn, còn người gian không phải ngủ dỗi: chính họ thông-minh, nhưng dùng nhằm cái khiêu thông-minh, nên mới thành ra xáo-trá gian-ác.

Ông Khuê lại hỏi « Làm thế nào để không có cái phần nhân loại tàn-phế hàng ngày vẫn lúc-lúc sống ngay bên cạnh nách ta và có thể truyền những bệnh tật cho ta hoặc phạm những tội ác ghê gớm và bôi nhọ cảnh sinh-hoạt của xã-hội loài người ? » Đặt một câu hỏi như thế, có khác gì bảo người ta phạm đến sinh-mệnh của người yếu, lẫn đến quyền-lợi của loài người, bỏ hết sự mưu ích cho nhân-loại: nói tóm lại, trái hẳn với nhân-nghĩa, nhân-đạo.

Trang 59, ông Khuê dịch một câu chữ Pháp là: « Ăn xong đứng dậy rồi, cô phải thấy ngon miệng có thể ăn được nữa. » (On doit toujours sortir de table avec quelque appétit). Thế thì không rõ nghĩa và mất cả cái tinh-thần câu văn: tôi tưởng nên dịch là: « Bao giờ người ta cũng phải ăn khi thấy còn ngon miệng, đôi chút », tức là không nên ăn no quá.

Những chữ sai như vậy thì còn nhiều lắm: trở lại trang XII có câu « ...không phải làm nô lệ cho thầy lang thấy thuốc », đến trang XIII lại có câu « ...ở bất cứ ngành sinh hoạt nào của loài người, cũng sẽ có bàn tay khôn khéo của Y học phúng vào ». Trang XVI, có câu « ...những sự nghiên cứu của các nhà sinh lý học gần đây đã rọi những ánh sáng vào trong cái tình trạng đen tối của những người ốm yếu và tuấn quân » v. v.

Giá ông Khuê soạn kỹ và cân nhắc từ ngữ, thì quyển sách của ông cũng lợi hại: dĩ-vãng ông viết câu-từ qua, cho nên 60 trang tiền đã nhầm đến thế! Nhưng thực ra sách ông có nhiều đoạn hay, nếu sửa lại cho đều, thì cũng giúp được nhiều người.

Ứng hoả NGUYỄN VĂN TỎ

Về cuộc thi lịch sử tề thuyết của Trí-Tân

Sau ngày 30 Juillet 1943 là hạn gửi bài, chúng tôi chỉ nhận được hơn 20 tiểu thuyết dự thi.

Ban giám khảo xét kỹ tất cả thấy phần nhiều các tác giả đã làm tiểu thuyết với kỹ sự, hoặc đặt ra những sự hoang đường không hợp quốc sử.

Vì vậy chúng tôi không phát các giải thưởng chính mà chỉ lựa trong số ấy lấy một cuốn phát giải thưởng khuyến khích thôi:

Quyển « Hoành sơn thám sử » của Hồ hoánh Lạc poster Cao lãnh Sadec; được giải khuyến khích.

Cuộc thi này tuy không có quyền nào trừng cách nhưng chúng tôi cũng xin thành thực cảm tạ các nhà dự thi đã bớt thì giờ mà lưu tâm đến quốc sử.

Mong rằng trong một kỳ thi tới bản chi sẽ nhận được những bản thảo đặc-sắc.

T. T.

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Pháp

1p.00 một vé

Góp vui

Một giai-thoại tặng các nhà viết sử

ÁI-LANG và BÍCH-CẦU



Một buổi sớm đủ cả
nắng hồng, gió mát và
khuyến vàng kều.
Bên trồng bản thảo

cao ngất ngưỡng bộ Nhân loại
hiện chứng sử đang viết giờ, bạn
nhất chén chè Vũ di thơm ngát,
ngửa mặt nhìn khỏi thuốc, lững
lờ bay, rồi mỉm cười, thông thả
từng tiếng một, kể cho nhà viết
sử nghe một câu chuyện sau này:

Ngày xưa, vào hồi ở Đông
phương, người ta còn lấy dùi
cung dỏ viết lên miếng tre xanh,
xỏ giấy da, cheo lên tường, để
trước tác các bộ sử (1), và ở Tây
phương, những lái buôn Phê-ni-
săng và Á-lập-bá còn lấy dao đá
vạch lên những miếng đất sét để
làm thương-khoán (2) thì ở nước
Ba-tư, một nước văn minh bậc
nhất, thì đời cổ, một nước mà
cai sử gia đã biết dùng da dê bào
nhẵn viết nên những quyển sử
mềm màng, nõn nà, có một ông
vua trẻ tuổi, mới lên nối ngôi
phụng hoàng, cho hội nghị toàn
thể các nhà bác học lão thành
trong nước lại. Cuộc hội nghị
ấy long trọng, có lẽ từ thượng cổ
tới lúc đó, mới có, gồm toàn những
ánh sáng về sử-học, văn minh
học và khảo cổ học đã từng đầu
bạc, lung cang vì nghề đào cổ
mộ, sao chép những bản sách
giấy lau (Papyrus) nước Ai-cập
và những bản sách lụa mỏng hươc
Ái-lô. (3)

Tài học các bậc học giả ấy thật
là siêu việt, quán thông. Có ngài
đã đọc nổi được bài bia đời Orodès,
(53 trước T.C.G.S.) để lại cho đời
được một tài liệu rất quý báu là
bảng danh sách các vị Marzbân
(5), Rad (6), Shâhrikan (7) dekhan
(8) dưới triều Ardashir đệ nhất.

Có ngài đã khảo cứu tường
tận được những mẫu vải và mẫu
thêu ở các y phục của dân gian
dưới triều vua Mithradâta (9)

Có ngài đã đo được hết đường
ngăn, đường dài, lối con, ngõ
hẻm của tỉnh Pasargades. Viết
nên quyển *Pasargades địa chí*.

Vân vân, vân vân kể ra đây
không sao hết được. Chỉ nên
tóm tắt lại rằng đó là những học
giả giỏi lắm.

Tân quân phán rằng:

Trẫm nghe Zeb (10) phụ lý
thường dạy rằng: xưa-kia, các
bậc thánh quân minh chúa như
vua Cyrus, vua Cambyse (11) đều
noi gương cổ nhân mà trị dân
thì bách tính mới bình trị, tôn
miếu mới bền vững, quốc vận
mới lâu dài. Muốn hiểu tư tưởng
và hành vi cổ nhân, tất phải xem
sử. Trẫm muốn phiên các hiền
khanh đem tài bác cổ thông kim,
sưu tầm tài liệu mà viết cho trẫm
một pho *Thế giới sử* thực tường
tận, đầy đủ, có cả chú thích những
xuất xứ của các tài liệu và những
diễn cổ về vị trí địa dư. Các khanh,
khá gắng sức làm đi, đừng lpho
lòng mong mỗi thành của
trẫm. »

Các nhà bác học cuối đầu yâng
mệnh, tung hô vạn tuế rồi lui ra,
bắt đầu chia nhau công việc,
không bỏ lỡ giờ nào. Các danh
tướng Ba-tư lại phải chinh phục
thêm vài trăm bộ lạc nữa để đủ
nô lệ về đào bới cổ mộ, lừng
lăm đời xưa giúp nhà tiền sử học.
Các nhà làm kinh cận thị chế
không kịp kính để bán cho các nhà
phê bình tài liệu sử, các thư viện
phải tăng thêm lương cho bọn
gác để quét những đống bụi mà
các nhà khảo cổ học đã rũ ở các
sách ra,

Ba mươi năm sau, một sớm,
trước cửa Ngọ môn, một đoàn quân
áp tải 12 con lạc đà, trên lưng
mỗi con chất nặng hơn 500 quyển
sử da dê, to như đá xây kim tự
tháp Ai-cập và giầy như gạch xếp
ở Vạn lý trường thành. Nhà bác
học, trưởng ban tu soạn *Thế giới
sử*, lụ khụ chống gậy, vào trước
ngài vàng phủ phục lâu rằng:

« Muôn tâu bệ hạ, thần dâng
xin dâng trình ngự lãm toàn bộ
Thế giới sử, chúng thần vừa biên
soạn xong, sau 30 năm nghiên
cứu. Phó sử đó gần có 6000 quyển
chép đủ cả mọi việc từ cổ chí kim
của tất cả các nước lớn nhỏ ở
trên thế giới, nhờ nhất như
chuyện vợ vua Orisis nước Ai-cập
vừa khóc vừa đi tìm những mảnh
xác của chồng (12), to tát như
chuyện ông Sôlon định lại luật pháp
thành Nhã điện (13), nhất nhất
đều có biên chép tường tận lại ghi
thêm cả địa dư, phong tục, tôn
giáo, văn chương, khoa học, triết
học v. v... của các nước ấy theo
lịch trình tiến hóa của chúng qua
các thế kỷ. Riêng những quyển hai
lược đời rõ những vấn đề chính

giải đoạn tiến hóa của phương pháp chép sử và cách thức phê phán tài liệu cũng đã chất đầy một con lạch đá. Những quyền nhập luận đề nói rõ việc đức Ahura Mazda tạo tái nên thế giới, và ban ơn riêng cho giống Ba tư, là con cháu các vị tiên, thần, sau này sẽ thống trị cả thiên hạ, cũng phải chất đầy một con lạch đá khác nữa.

Vua Ba-tư cảm động phán rằng:

— « Các lão khanh. Trẫm rất đẹp lòng vì sự sốt sắng của các khanh đã không quản công lao mà làm xong bộ *Thế giới sử*. Nhưng hiện nay, chính sự bộn bề, biến cố dồn dập, mà trong 30 năm nay, trong khi chờ đợi pho sử của các khanh để học phép hành chính của cổ nhân, thì trẫm đã gần bạc đầu. Tuổi niên thiếu qua rồi không trở lại. Thời thanh niên, cũng chẳng còn lâu được tới hôm nay. Trẫm dù hưởng lộc trời trăm tuổi nữa, cũng không còn hy vọng đủ thời giờ đọc xong 6000 pho sử của các khanh. Vậy thì truyền nội giám bầy cất sử ấy vào kho để giữ làm quốc bảo. Còn các lão khanh, công cuộc khảo học của các khanh không phải là không giúp cho « Sơn hà thiên cổ điện kim ân », hãy nhận lợi khen của trẫm. Nhưng dám phiền các khanh hãy nghĩ cách nào rút ngắn ngắn pho *Thế giới sử* lại cho trẫm đủ thời giờ xem. Các khanh khá tuân lời trẫm mà tiến hành công việc ngay đi. »

Các nhà bác học lại cặm cụi trong 20 năm nữa để toát yếu *Thế giới sử* lại. Trong bộ biên tập có nhiều ông già quá chết đi, và lại phải chọn từng « kíp » bác

học trẻ tuổi vào, hỏai tốc ngày, đêm chờ xong công việc. Trong khi thì nhàn, Khaiâm thử thi dưới hoa hồng, giữa một vườn xuân, nắng dịu, những lời ân ái với người yêu nhỏ nhỏ xinh xinh:

Em yêu ơi!

Ngồi xuống cùng anh

Trên cỏ xanh!

Còn lâu chi nữa một mai đây

Em và anh yên nghỉ ở nơi này.

Đo hải cốt.

Lại nuôi cho cỏ tốt (14).

Và Sa'di, mơ màng cất chén rượu bồ đào nghĩ tới người yêu luyện:

Một ngày, ở ngoài nội.

Tình cờ em gặp anh.

Đôi lứa xong xong bóng.

Rén ra khỏi đô thành.

Thấy không em, hạnh phúc.

Của riêng em và anh.

Những phút say sưa sống

Đôi ta mình với mình. (15)

Thì bụi sách bay mù trên những đầu bạc và những chữ li ti nhầy mứa quay cuồng dưới những kính lóa mờ. Và chữ lại chạy theo chữ, giấy lại xếp trên giấy để cho những đầu hờa rậm trắng xóa những đầu trắng xóa hói trơn, những đầu hói trơn trơn sọ dưới mồ cỏ nát.

20 năm qua. Một sớm, 3 con lạch đá, mỗi con mang 500 quyền sử đến chực trước ngõ môn. Trưởng ban biên soạn *Thế giới sử*, lưng đã cong, mắt đã lòa, mỗi bước đi phải có 2 cháu nhỏ đỡ, vào trước sân rồng, tung hô vạn tuế:

« Muốn tâu thánh thượng, thần dâng củi dâng thánh thượng, pho

Thế giới sử đã toát yếu lại không sót một đoạn chính nào ».

— « Hay lắm, hay lắm! Các khanh thật là cần mẫn trung thành. Nhưng trăm già rồi, không đọc được dài giòng như vậy nữa. 1500 quyền sử vẫn còn là dài quá. Vậy các khanh lại cố thu thật ngắn lại lần nữa cho trẫm xem. Trẫm mong đợi từ lâu, các khanh đừng chậm trễ! »

Các nhà bác học lại cặm cụi trong 10 năm, rồi mang dâng 500 quyền *Thế giới sử*. Cụ trưởng ban sử, lom khom, phều phào tâu rằng:

— « Muốn tâu hoàng Thượng, lần này chúng thần đã rút ngắn lắm rồi ».

Vua buồn rầu phán:

— « Lão khanh ơi! Trăm già lắm rồi, khó lòng sống lâu năm nữa, làm sao mà đủ thì giờ đọc 500 quyền sử của các khanh. Nếu các lão khanh muốn cho trẫm biết nhân loại sử trước khi lìa cõi trần này, thì các khanh khá vì trẫm rút thật ngắn lại nữa ».

(Xem tiếp trang 20)

Đã có bán:

NGUYỄN TUÂN

QUÊ HU'NG

512 trang. — In đẹp

Bản thường: 5\$00

Bản Giỏ Văn (hết)

Bản Impérial Đại La: 20\$00.

(còn một số ít)

Anh Hoá

69 hàng Than Hanoi

ĐẠI-NAM DẤT SỰ

Số 10

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

VII. — Cuối đời Tam-quốc, các quan thú-mục bên Tàu đối với nước ta thế nào?

Đời này là chép nổi truyện, Đào-Hoàn, trong có đoạn nói vua nhà Tấn sau khi đã nhất-thống được nước Tàu, ra lệnh rút bớt quân Tàu đóng ở châu Giao, thì Đào-Hoàn có dâng một bức thư (chữ nho gọi là *thượng ngôn*) kể về tình-hình châu Giao. Nếu sử chữ nho chép đúng, thì bức thư ấy là một sử-liệt có giá trị đích đáng, vì trong có hai việc nên chú ý: một là dân Lâm-áp (Chiêm-thành) hay cướp bóc, so với sách Tây có một đoạn cũng giống như thế là đoạn sau này: « Trước mặt giải đất chật-hẹp của người Chiêm-thành, có miền bờ rất nhiều hải-lợi: không những nhiều cá mà thôi, lại còn nhiều thuyền buôn qua lại. Nghề gặt bèo ở đây chắc là tốt, người Chăm làm nghề ấy rất thắng lợi. Họ nấp ở trong bến của họ, hoặc nấp sau củ-lao của họ, rồi thình lình nhảy vào thuyền rất dễ-dàng. Những thuyền ấy chở các đồ vật, như chim-thủy-vũ, ngọc trai, ngà voi, vàng, bạc, hương liệu và hương-phẩm, từ Ấn-độ và Chà-và sang Quảng-dông. Có một lần, vua Chiêm-thành gửi sang cống vua Tàu bằng những đồ vật cướp được của những người buôn A-áp rất nhiều, cho rằng dâng cống như thế là xảo-quyết và tột việc. Những cá đơn khiêu nại của bọn A-áp từ lâu tới vua Tàu, cho nên những đồ dâng

cống ấy đều bị khước cả. Lắm khi những thuyền ấy chở những pho tượng đồ thờ, như pho tượng Phật bằng ngọc-bích đã nổi tiếng truyền tụng xưa nay của vua Tích-lân (Ceylan) dâng vua Tàu về đầu thế kỷ thứ năm: pho tượng ấy được thờ trong một thế kỷ, sau giữa làm chân đề tài tốt, xuyên đe đeo tay cho các cung-phủ của vua Tàu. Pho tượng đó còn được đến nơi, nhưng chắc còn nhiều pho khác không đi được trôi-chảy như thế. Cho nên người ta có thể tự hỏi rằng pho tượng Phật bằng đồng đen có vẻ đẹp, hiện bày tại viện bảo-làng trường Bác-cổ, Hà-nội (tức là pho tượng đạo được ở Đồng-duong, tỉnh Quảng-nam), xem cách cấu-tạo thì là của người Tích-lân, không còn nghi-hoặc gì nữa, pho đó có phải là đồ hiến-đoạt của bọn giặc bèo Chiêm-thành không? » (dịch trong bài tựa của ông Louis Finot đề ở quyển *Les Chams et leur art* của bà Jeanne Leuba, trang 6). Ở

Việc thứ hai trong bức thư Đào-Hoàn mà ta nên đề ý đến, là việc người Tàu sang cai-trị nước ta từ đời Hán (111 trước Thiên-Chúa) đến năm Đào-Hoàn dâng thư (280 sau T.C.) tính ra đã gần 400 năm rồi, thế mà cách giáo-hóa của người Tàu vẫn chưa đi khắp. Xem một câu: « Phía nam châu Quang dện-tích có hơn sáu nghìn dặm mà đến 5 vạn nhà không thần-phục. Bọn bắt mồi (không hiểu ràng buộc, vì có tài fao-siêu ở Quê-lam, cho độ một vài nghìn, mà phục tòng việc quan chỉ hơn năm

nghìn nhà) Thế mới biết dân ta bây giờ đã biết trọng quyền tự-chủ lắm. »

Nổi truyện Đào-Hoàn như sau này:

Đào-Hoàn đánh được bọn Dương-Tắc, dẹp yên Giao-châu: nhà Ngô cho Hoàn làm thứ-sử, cấm chờ tiết độ-dốc cả việc quân ở châu-Giao, chức là « tiền-tướng-quân Giao-châu mục ».

Đào-Hoàn là người hiền mưu-chước, chu cấp cho người cùng khổ hay làm việc bố-thí, được lòng người, ai ai cũng vui theo cho nên đến đâu cũng thành-công. Lúc bấy giờ quận Vũ-bình (tức Hưng-yên bây giờ), quận Cửu-chân (Hà-tĩnh) và quận Tấn-xương (Sơn-tây), địa-thế hiểm-trở, bọn đi-lão (mường-mán) ương-ngạnh, không phục, đã lâu. Đào-Hoàn, dẹp yên được cả, đặt thành quận và mở thêm ba mươi huyện thuộc quận Cửu-chân.

Sau nhà Ngô với Hoàn làm đồ-dốc Vũ-xương, cho thái-thủ Hợp-phổ là Tu-Doãn (*Đại-Việt sử-ký* toàn thư, quyển 4, tờ 6 b, chép là Tu-Nguyên) sang thay. Tu-Doãn đi đến quận Quê-lam thì thuộc-bà ở châu Giao là Quê-B-Mã làm phải (chép theo *Đại-Việt sử-ký*, tiền-biên, quyển 4, tờ 10 b). Người châu Giao, kể từ hàng nghìn, xin lưu Hoàn lại (*An-nam chí-nguyên*, trang 153, chép 30 bọn xin lưu Hoàn lại; nếu tính mỗi bọn 30 người, thì cũng được hàng nghìn người). Vua Ngô lại cho Hoàn về chức cũ.

Đến năm canh-ti (280 sau T.C.), năm thứ nhất hiệu Thái-khang nhà Tấn, vua Ngô là Tôn-Hạo đã hàng nhà Tấn, tay viết thư khuyên Đào-Hoàn quy thuận nhà Tấn.

Đào-Hoành khóc đến vài ba ngày, sai sứ đem ấn tín đưa về Lạc-Dương. Vua nhà Tấn ban chiếu cho phục chức cũ, phong tước Uyển-làng-hầu, dời làm chức quân-quân tướng-quân.

Lúc bấy giờ nhà Tấn đã dẹp yên nước Ngô, bót quân ở châu quận. Đào-Hoành dâng thư nói rằng: « Giao-châu xa xôi, ở lãnh về một cõi, liền dải núi bề, ngoài cách Lâm-ấp đến bảy trăm dặm, người đầu bọn Hời là Phạm-Hùng (xem quyển G. Maspero, *Le royaume de Champa*, trang 53-55) đời đời cướp bóc, thường nhiều hại dân Giao-châu, lại kết-tiên với Phù-nam, thường vào ăn cướp, đánh phá quận huyện, giết hại lại dân. Xưa tôi được cố quốc (nhà Ngô) dùng, đã ở phía nam hơn mười năm, tuy trước sau đánh dẹp, giết được những người đầu đảng, nhưng núi thẳm hang sâu, còn có chỗ lẫn-lút. Và lại quân của tôi vốn có hơn tám nghìn người (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 4, tờ 11a, chép hơn bảy nghìn người) mà đất Nam âm thấp, có nhiều khí độc, gia-dĩ đánh dẹp luôn luôn, chết đi mất, chỉ còn 2.420 người! Nay bốn bề hỗn đồng, không đâu là không phục, nên cuốn áo giáp, hủy mũi nhọn, chăm về lễ nghĩa là phải. Nhưng mà người châu này không ưa yên vui, chỉ thích họa loạn. Và lại phía nam châu Quảng diện tích có hơn sáu nghìn dặm, mà đến hơn năm vạn nhà

CÁI CHÍNH

Trong số này mục SÁCH MỚI ở trang 23 cột 3, giòng 7: Nhiều người ngụ ý xin đọc là nhiều bài ngụ ý...

không thần-phục. Những bọn ở Quế-lâm không tuề ràng - buộc được, vì có tài cao siêu (chữ nhỏ gọi là *bất-mi*, cũng như chữ *tuấn-dật*) có độ vạn nhà, mà phục lòng việc quan, chỉ có hơn năm nghìn nhà! Hai châu (Quảng và Giao) như môi với răng, phải đem quân đến trấn. Lại đất Hưng-cổ ở Ninh-châu giáp-giới với thượng-lưu, cách quận Giao-chỉ 1.600 dặm, đường thủy đường lục đều sẵn, quan-hệ với nhau. Quân ở châu Giao chưa nên rút bót, kéo lộ thế yếu (*đơn hư*). » Vua Tấn nghe theo.

Đào-Hoành ở châu 30 năm, ân-uy rõ-rệt, được người trong châu kính-mến. Đến khi mất, cả châu kêu khóc như tang cha mẹ (chép theo *Toàn-thư*, quyển 4, tờ 7 a, *Tiền-biên*, quyển 4, tờ 11 b, và *An-Nam chí-nguyên*, trang 153) vua Tấn cho chức viên-ngoại-lang tán-kị thường-thị là Ngô-Ngạn làm chức Nam-trung đô-đốc Giao-châu thứ-sử.

Khi Đào-Hoành mới mất, quân Cửu-chân làm loạn, đuổi thái-thú. Người đứng đầu bọn quân ấy là Triệu-Chỉ vây quận: Ngô - Ngạn dẹp yên, ở châu 25 năm, nhân-dân được yên-ôn. Sau tự dâng biểu xin về Tàu: vua nhà Tấn cho Cố-Bi sang thay: Bi cũng là người lương-mục, cả châu yêu-mến. Đến lúc Bi mất, người châu Giao ép con Cố-Bi là Cố-Sâm coi việc trong châu. Khi Sâm mất, em là Thọ cố xin lĩnh việc châu Giao, giết người trưởng-lại là bọn Hồ-Triệu, lại toan giết trưởng-hạ đốc-quân là Lương-Thạc: Thạc chạy được khỏi, cất quân đánh Thọ bắt được (*Đại-Việt sử-ký* tiền-biên, quyển 4, tờ 12 a, chép rằng

Lương-Thạc bắt được mẹ con Cố Thọ, đều bắt uống thuốc độc chết; *Toàn-thư*, quyển 4, tờ 10 b, chép rằng khi Cố Thọ bị Lương-Thạc bắt, mẹ Cố Thọ bắt Cố Thọ uống thuốc độc chết)

Thạc sợ dân-tình không hợp, mời đón con Đào-Hoành là Đào Uy, đang làm thái-thú Thương-ngô, lĩnh chức thứ-sử châu Giao. Đào-Uy làm quan rất được lòng dân, ở châu 30 năm rồi mất. Em Uy là Đào-Thục, con Uy là Đào Tuy, kế tiếp nhau làm thứ-sử.

Tự Đà-Cơ đến Đào Tuy, cộng bốn đời, đều làm thứ-sử. Đà-Cơ là cha Đào Hoành. *Toàn thư* (quyển 4, tờ 10 b) chép Cơ là tể-phu Đào-Hoành thì nhầm (chép trong *Khâm định Việt sử thông giám cương-mục*, quyển 3, tờ 14 b - 17 b).

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN VĂN-TO

ĐÃ CÓ BẢN:

Khảo-cứu về Tiếng Việt-Nam của Trà-Ngân giá 2\$50

Cao bạn mỗi người đều nên có một cuốn **Khảo cứu về Tiếng Việt-Nam**, để các bạn nói cho đúng, viết cho đúng tiếng nước nhà. - Các bạn còn biết cách làm sao lối thơ, phú, từ, khúc, và còn được thưởng-thức những áng văn kiệt-tác trong văn-học-giới Việt-Nam.

Công - chúa tóc vàng
Tứ Hoa-Mai số 32
của Phan-Nhũ giá 0\$,20

THÁM-HIỂM GỖ KHÚC-RỒNG

Tứ Hoa Mai số 33
của Nguyễn-Phủ-Độc giá 0\$,20
Nhà xuất bản Công - Lý,
N° 9, Rue Takou - Hanoi

Việt nam khoa học ngữ

Mạng cái phương pháp ấy ứng dụng trong các khoa

Số 2

NGUYỄN TRONG THUYẾT

Những tiếng như Đàng, Đông, Đầy, Dưng, Đả, Đăm, Đĩa, Duyên, Đanh, Đưanh, Đền, Dao, Đũa, Đai, Đối, ai bèn không phải là tiếng an-nam khi nó có tất cả các bản nang (les caractères) của tiếng an-nam?

Những tiếng ấy là những tiếng mới hình tạo, không phải những đoạn trường ngữ, không phải những tiếng sẵn có thì mới dùng làm Chuyền môn tự được.

Mỗi tiếng ấy nó gồm nghĩa của cả một đoạn, một câu trường ngữ, nên mới dùng nó làm chuyển môn tự được.

Những chuyển môn tự tạo ra bằng cách chọn chữ rồi nói lại như thế rất tiện. Nếu không có nó ứng chuyển môn tự như Đàng, Đông, Đầy, vân vân, tất sẽ phải dùng những đoạn trường ngữ như Đưanh-thăng, Đưanh-cong, Đưanh-gầy vân vân. Mỗi đoạn hai chữ: một chữ chỉ hình như Tlăng, Cong, Gầy, đi sau chữ chỉ tên như Đưanh. Không muốn lấy đi, lấy lại cái văn Đ (Đàng, Đông, Đầy, Dưng) tất phải lấy đi lấy lại mãi cái chữ Đưanh lại thêm một chữ chỉ tính, hay chỉ công dụng, giống dài, tồn công viết, tồn công đọc, tồn thì giờ cho kẻ viết người học.

Những người câu nệ sẽ phê rằng những tiếng mới tạo ra đó nhiều tiếng chung âm với những chữ đã sẵn có ở trong thuật ngữ rồi.

Uái đó là sự cố nhiên không thể tránh được. Muốn cho những tiếng mới tạo ra có đủ bản năng của tiếng an-nam giống, nhà quê kẻ chợ ai cũng đọc được thì không làm sao tránh khỏi sự chung âm. Hễ cuống-họng người an-nam được thì tự nhiên viết bằng văn quốc ngữ được, mà viết bằng văn quốc ngữ được thì tự nhiên có nhiều chữ chung âm.

Cái tật ấy là cái tật chung cho cả các thứ tiếng được văn, không làm sao tránh được. Mà nếu cách viết lại theo văn a, b (transcription phonétique alphabétique) thì những tiếng chung âm lại còn chung cả dạng (forme graphique) nữa (Homonymes-homographes).

Những cái tật nhiều chữ chung âm ấy không can hệ gì, không phải là một sự cản trở lớn. Dở một cuốn tự vi viết-nam ra mà coi. Có khi một văn có dấu giọng chỉ năm bảy nghĩa khác lẫn nhau, một văn không có dấu giọng có khi chỉ mười mười lăm nghĩa không liên lạc gì với nhau là thường. Vậy, mà khi ta nói hay ta viết, người nghe hay người đọc không lầm nghĩa bao giờ. Không ai lẫn chữ Nước, nước lã, nước trà với chữ Nước, nước nhà hay nhà nước, bao giờ. Không ai lẫn chữ Quốc, quốc gia với chữ Quốc, quốc gia bao giờ. Không ai lẫn chữ Giăng, ống giăng, ống

tiế, với chữ Giăng, giang-sơn bao giờ. Không ai lẫn chữ Ba, một hai ba, với chữ Ba là Cha, Ba là sông, Ba là nhiều (một cây là n chằng nên non, ba cây chum lại nên hòn núi cao) Ba-ba là con bà-bà với Ba ba là chín bao giờ.

Không lầm nghĩa được là nhờ có chữ trên chữ dưới (le contexte), nhờ cái trường hợp, cái đầu đuôi của câu chuyện. Về Hoá học người Pháp nói đến Sê ai cũng biết ngay là vật gì, không đi lầm với muối dùng trồng bắp, thì về Sinh học sau này nếu người Nam nói đến Đàng, Đông, Đầy, cũng không ai hiểu lầm là ghê đàng, đong lường, mập-mạp được. Chỉ cần tránh sự chung âm trong một loại chữ (thường ngữ tự, chuyển môn tự) của một môn khoa học thôi. Muốn như vậy không khó gì. Nhưng, tự nhiên, nếu tránh được sự chung âm trong chuyển môn tự của cả các môn thì càng hay.

Theo óc Khoa học thì mình phải làm cái điều mà mình không thể tránh được. Cái khó chịu gặp chữ đồng âm mà không thể tránh được còn dễ chịu bằng văn cái khó chịu khác là cái khó chịu nghe thấy nói ngong tiếng ta.

B. Hình học chuyển môn tự.
Ngoài những Đưanh-ấp-danh-từ, những chữ chuyển môn khác của Hình học cũng phải dịch bằng những căn tự lấy ở trong thuật ngữ ra, rồi rút mỗi căn lại thành một tiếng mới mà dùng.

Tỷ dụ, xem bảng Hình học chuyên-môn tự dưới đây:

Trên pháp	Đoạn thường ngữ	Chữ chuyên môn	Lời chú
Point	Chấm	Điểm	Sẵn có trong Thường ngữ tạm dùng được.
Lignes	Đường	Đường	Định nghĩa khoa-lạc cho chung.
Surfaces	Mặt	Mặt	Thường ngữ
Volumes	Khối	Khối	Thường ngữ
Intérieur	Nội	Nội	Nói riu
Extérieur	Ngoại	Ngoại	Đề một chữ
Equidistant	Định viễn	Định	cũng iu
Parallèles	Song-song	Song	Nói riu
Sécantes	Gặp nhau	Gặp	Đề một chữ thôi
Perpendiculaires	Sừng-sừng	Sừng	Thường ngữ
Angle	Góc	Góc	Nói riu
Angle droit	Góc vuông	Guồng	Trong tiếng pháp không có những chữ chuyên - môn đáng-dối với mấy tiếng việt nam chuyên môn này
Angle aigu	1) Góc sắc 2) Góc hẹp	Gắc Ghẹp	
Angle obtus	Góc rộng	Gộng	
Angle plat	Góc bán (nguyệt)	Gán	
Angle plein	1) Góc mãn (nguyệt) 2) Góc chu 3) Góc toàn	Gấn Gu Goàn	
Complémentaires	Phụ bổ	Bổ	Hai chữ lấy một
Supplémentaires	Bồi bổ	Bồi	
Adjacents	Xát cạnh	Xạnh	Nói riu
Degré	Không có tiếng	Nhệ	Viết hóa tiếng pháp
Grade	thường ngữ tạm dùng được	Nhát	
Sommet	Đỉnh	Đỉnh	Thường ngữ
Egales, égales	Đằng nhau	Bau	Nói riu
Semblables	Giống nhau	Giao	Nói riu
Equivalents, tes	Cân nhau	Cau	Nói riu
Dièdre	Nóc hai	Nai	Nói riu
Trièdre	Nóc ba	Na	Mấy chữ chuyên môn này thuộc về Đẳng cấp danh từ Dùng chữ Nóc, không dùng chữ Mái vì Mái với Mặt cùng một sắp-M
Tétraèdre (angle)	Nóc bốn	Nôn	
Polyèdre (angle)	Nóc nhiều	Niêu	

(Xem tiếp trang 14)

Trải qua Đông, Tây kim cở, các bậc danh nhân vẫn là của báu của muôn đời. Hết thầy các nước đều sùng phụng danh như một cách xứng đáng với công nghiệp người xưa để tỏ tấm lòng mến tiếc những bậc kỳ tài trên trang lịch-sử.

Từ bậc anh hùng xuất chúng đến các văn nhân thi nhân tài hoa lỗi lạc, những hành vi, những ngôn ngữ cử chỉ đều được mọi người nhắc nhở.

Đối với những người quá cố, những ý muốn sau cùng vẫn được mọi người tôn trọng.

Tôi viết thuật ở đây những lời di chúc của ít nhiều danh nhân đông tây để hiến các bạn đọc trong những giờ nhàn rỗi.

Napoléon I (1769 - 1821)

Bậc đại anh hùng ấy của nước Pháp đã từng chinh phục khắp Âu châu, đã từng dè trên đồng thầy của bao triệu sinh linh để đi tới đài vinh quang một cách rực rỡ huy hoàng.

Gặp lúc anh hùng mặt lộ, Napoléon đành phải sống những ngày tàn bó buộc trong cù lao hẻo lánh, Sainte Hélène.

Ngày 25 tháng 2 năm 1821, biết mình sắp đến lúc phải bắt hơi thở cuối-cùng, nên ngài yêu cầu nhà chức trách Anh, sau khi ngài mất cho mổ tử thi ra khám nghiệm.

Ngài tự biết mắc bệnh nham-thũng (ulcère cancéreux) là bệnh gia truyền vì đáng thân sinh ra ngài và hai chị ruột ngài đều chết về bệnh đó.

Ngài yêu cầu gửi tờ biên bản của bác sĩ cùng bộ dạ dày về cho con ngài là quận công De Reichstadt để biết mà gìn giữ. Hơn nữa, biết

hoàng hậu Marie Louise là người bất chính nhưng cảm động thay, Napoléon vẫn còn thương nhớ mà yêu cầu gửi cho bà trái tim của mình. Ai ngờ bậc đại anh hùng ấy có tâm hồn sắt đá lại là một người chồng chung tình có một!

Vốn ghét người Anh, nên Napoléon dặn lại không ưng cho một nhà giải phẫu người Anh nào được mổ vào tử thi của ngài.

Viên toàn quyền Sainte Hélène là Hudson Lowe phản kháng những điều ngài dặn lại mà không cho gửi tim cùng dạ dày về nước Pháp.

Thoạt tiên Napoléon muốn được đem thi hài mình về quê hương ở Ajaccio, nhưng trong tờ di chúc bỏ chính đề ngày 16 tháng 4 năm 1821, ngài lại muốn ký thác năm xương tàn cho người Pháp mà an nghỉ ngàn năm bên bờ sông Seine.

Ngài đoán trước chính-phủ Anh sẽ phản kháng điều đó nên bằng lòng tạm thời an táng tại Sainte Hélène.

Vị anh hùng đã từng làm rung động hoàn cầu, đã từng coi cả châu Âu như « một hang chuột » (une taupinière) lại thích bóng thụt, thà của những nhánh liễu rủ, nên ngài đã chọn thung-lũng Géranium vì ở đó có trồng nhiều liễu.

Napoléon tắt nghỉ ngày 5 tháng 5 năm 1821. Viên toàn quyền Anh muốn khắc trên mộ ngài hai chữ « Napoléon Bonaparte », nhưng các người trung thành theo hầu ngài phản kháng và chỉ muốn đề trên phiến đá một chữ « Napoléon » thôi.

Sau hết người ta không đề chữ gì cả. Như thế có lẽ lại càng có ý nghĩa vì mộ Napoléon đâu phải

là mồ vô chủ, không người thăm viếng và Napoléon có cần gì của ai vài chữ trên mồ mới được lưu danh ngàn thu!

Voltaire (1694-1778)

Voltaire là một thi sĩ, một sử gia và một nhà triết học trứ danh của nước Pháp về thế kỷ thứ 18.

Ông đã trước-tác được nhiều sách có giá trị. Ông mất ngày 30 tháng 5 năm 1778. Theo các ông Grimm, La Harpe và D'Alembert, những nhà văn đồng thời với Voltaire, thì trong khi kịch bệnh, trước những lời khích lệ của các thầy tăng-lữ Voltaire đã nói câu cuối cùng:

« Laissez-moi mourir en paix » (Các thầy hãy để cho tôi chết được yên).

Ông có để lại một tờ di chúc đề ngày 30 tháng 9-1776 cho cháu gái ông là bà Denis được hưởng cái ghế tài tử của ông ở Ferney với cái tủ-sách quý có 6210 cuốn.

Viên thư-ký yêu quý của ông là Wagnière được ông cho tám nghìn quan; mỗi gia nhân của ông được thêm một năm lương và những người nghèo ở trong giáo đường mỗi người được 300 livres.

Tủ sách của Voltaire sau nay bán cho hoàng-hậu nước Nga là Catherine II được tới 135.000 livres.

Những vì di chúc của mấy danh nhân Đông, Tây

PHẠM-MẠNH PHIAN

Ở nơi mà Voltaire từ già mọi người dễ lẫn theo Thần Chết, người ta đã cho trồng 4 cây bạch dương cao lớn và ở phía trước nhà, người ta đã khắc câu này:

« Son esprit est partout et son cœur est ici » (Linh hồn ông ở khắp nơi mà trái tim ông ở chốn này).

Alfred de Musset (1810-1857)

Musset đã từng đau khổ vì tình. Tập thơ *Contes d'Espagne et d'Italie* của ông-làm năm 20 tuổi đã từng làm ông nổi tiếng lừng lẫy một thời.

Cuộc tình duyên lâm ly và ngắn ngủi của ông với nữ văn sĩ Georges Sand đã làm cho tâm hồn ông đau khổ buồn bực mà thốt nên bao lời chua chát.

Nhắc tới ông, người ta không quên cuốn *La Confession d'un enfant du siècle* (1836) và bốn bài thơ tuyệt diệu *Les Nuits*, là hình ảnh những vết thương lòng của ông và đầy những lời xót xa tuyệt vọng.

Trong một bài Văn ca (élégie) nhan đề *Lucie* ông ước-mong sau khi chết được eo trên mồ phững nhánh liễu rủ vì ông yêu bóng liễu dịu-dàng và xanh biếc. Ông đã viết ở đoạn kết:

... Mes chers amis, quand je mourrai,
Plantez un saule au cimetière.
J'aime son feuillage éploré,

La pâleur m'en est douce
et chère,
Et son ombre sera légère.
A la terre où je dormirai.

Các anh em ơi,
Khi ta chết rồi
Trên mồ ta đó
Trồng cây liễu nhỏ.
Ta ưa cành nó
Như hàng lụy rờ,
Giọt lụy xanh xanh,
Chưa bao tình
lóng má trên mình
lắm ái tròn xinh.

(Bản dịch của Nguyễn Quang)

Nếu trước kia nhà văn sĩ lãng mạn, Chateaubriand (1768-1848) sau khi mất được người đời chiều theo ý muốn sau cùng là an táng riêng biệt trông ra bề tại cù lao Grand Bé, gần Saint Malo, thì thi sĩ Musset cũng được có trên mồ vài cây liễu y như lời mong ước kể trên,

Trần Hưng Đạo

Tháng 8, năm canh tí, niên hiệu Hưng long thứ 8 (1300) đời vua Trần Anh Tông (1293-1314), đức Trần Hưng Đạo mất.

Trước đó, khi ngài đau, vua Trần Anh Tông có tới thăm tận nhà, hỏi ngài rằng:

— « Nói đại, nếu Đại vương mất, quân Tàu lại sang thì xoay kế gì được? »

Ngoài những phương-pháp-dụng binh như đối với « trường trận » của kẻ thù thì dùng « đoản binh » mà chống lại, hoặc đối với kẻ thù « dùng lối tâm an thông thả » thì phải chọn người « lương tướng », ngài có dặn:

— « Nên nói sức dân dè làm cái chước chắc gốc vững nền Đó là cái mưu chước hay nhất để giữ nước. » (Kl âm định Việt ngữ, quyển 8 tờ 31 b-32 a (1).

Ngồi mất năm 70 tuổi tại nhà riêng ở Vạn-kiếp, được nhà vua cùng các quan thương tiếc và đồ chôn đại tang.

Nguyễn Trãi

Sau khi cùng đức Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam-sơn, ông Nguyễn Trãi lúc thành đạt, một hôm, có gặp một cô bán chiếu rất nhan sắc, ông bèn làm bốn câu thơ uôm hời:

À ở đâu đi bán chiếu gon?
Chẳng hay chiều ấy hết hay còn?
Xuân thu chừng độ bao nhiêu
tuổi?
Đã có chồng chưa được mấy
con?

Cô bán chiếu là Nguyễn thị Lộ liền họa lại:

Tôi ở Tây hồ bán chiếu gon,
Nỗi chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân thu tuổi mới giăng tròn lẽ,
Chồng còn chưa có, có chi con!

Yêu vì sắc, trọng vì tài, ông Nguyễn Trãi lúc đó làm quan Hành khiển, liền nạp cô Lộ làm thứ thiếp.

Vua Lê Thái Tông (1434—1442) nghe đồn Thị Lộ nhan sắc tuyệt vời, liền cho ở luôn trong cung hầu hạ, vì vậy nằng nết khi về cùng Nguyễn Trãi.

Năm Đại-bảo thứ 3 (1442), vua Thái Tông ngự giá tới Côn-sơn là biệt thự riêng của ông Nguyễn Trãi, rồi lúc hồi loan vì tịu sắc quá độ bị cảm, tắt nghỉ ở dọc đường.

Triều đình kết tội Thị Lộ đã đồng mưu cùng Nguyễn Trãi mà hãm hại thánh thượng nên ông Trãi phải khép vào tội tru di tam tộc.

Ngày 16 tháng 8 năm Nhâm Tuất (1442), ông Nguyễn Trãi cùng các con cháu và nàng Thị Lộ bị đem ra hành hình.

(Xem tiếp trang 1.)

Hình học chuyên-môn tự

(Tiếp theo trang 11)

Tiếng pháp	Đoạn thờ. g ngữ	Chữ chuyên môn	Nội chú
Tétraèdre (volume)	1.) Khối bốn	1.) Khối	Nói riu
Pentaèdre (volume)	2.) Tứ diện	2.) Tiện	—
Polyèdre	1.) Khối năm	1.) Khăm	—
	2.) Ngũ diện	2.) Nghiện	—
	1.) Khối nhiều	1.) Khiều	—
	2.) Đa diện	2.) Điện	—
Prisme	Khối thoi	Khối	Nội riu
Cylindre	Khối ống	Khống	—
Parallélépipèdes	Khối song	Khong	—
Cube	Khối vuông	Khuông	—
Parallélépipède rectangle	Khối nhật	Khật	—
Sphère	Khối cầu	Khầu	Nói riu
Plan	Phản	Phản	Thường ngữ
Axe	1.) Trục	1.) Trục	Thường ngữ
	2.) Đường trục	2.) Đục	Nói riu
Centre	Tâm	Tâm	Thường ngữ
Révolution	Xoay quanh trục	Xục	Nói riu
Translation	Chuyển ngang	Chang	Nói riu

Những chữ chuyên-môn về Hình học, mới đặt ra đó, chỉ là những cái tỷ dụ để cho hiểu cách đặt tiếng mới dùng làm Chuyên-môn tự ra sao. Sau này ta sẽ kén chọn, sửa đổi lại ít nhiều, nhưng cái phông pháp vẫn y nguyên.

Trong cái bảng Chuyên-môn tự trên này, không có tiếng nào tạo bằng lối nói lái. Lối nói lái hẳn cùng lắm hăng dùng, không thể làm thế nào thay đổi các căn-tự để nói riu lại được thì hăng dùng, vì nói lại nghe nó vẫn có vẻ phùng bạn lái buôn, không được chỉnh tề bằng lối nói riu. Nói riu là cái luật âm hưởng biến hoá tự nhiên hơn. Hai tiếng Nhé, Nhát là lấy ở hai chữ Degré và Grade của người Pháp rồi viết hoá đi. Hai tiếng đó nên làm như vậy, vì chúng là tên hai cái « mẫu » để đo lường, có

thể thành ra tiếng chung của vạn quốc khoa học được.

Những tiêu tiết riêng cho môn Hình học không có điều gì khác nữa.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

ĐỌC VĂN VIẾT VĂN

Ngài thầy mới không đủ sức làm việc, nầy uống 1 viên thuốc bổ khỏe Trương-Xiêu. Ngài uống thường sẽ cường-khỏe.

Mỗi hộp 0\$80 do Tam-b'ô Dược-phòng 117 Faucault Saigon bảo-chở. Đề mandat cho Ô. Phạm văn Điều. Mua sẽ huê-hồng đặt biệt.

NGÀI HÃY ĐỌC

Tạp-chí Hạnh Phúc, cơ quan văn-học, khoa học có các cây viết trứ danh như: Phan văn Hùm, Kiều thanh Quê, Nguyễn văn Phấn, Vita, Phạm văn Điều, v v...

Trọn năm — 4\$00

Đề mandat cho: Phạm văn Điều 117 Faucault Saigon.

Tạo-hóa và nhân-loại

Số 9

MINH TUYÊN

Vì bảo tồn mà bảo tồn cái gì
 Là tự-sát. Hỏi còn đâu bảo tồn?
 Có bảo tồn sinh-mệnh trên danh-dự
 Mới xứng với tên người giữa càn khôn,
 Cá-nhân phải cứ luôn-luôn chiế-luân,
 Phải sống vui trong vật lộn không cùng,
 Phải duy động, chẳng quản chi mạnh yếu,
 Cả đoàn quân sinh-lực trống Tam Hùng.
 Vì tranh-đấu phải lui tìm lẽ thắng,
 Phải trông vào sự thực để suy ra
 Những sáu-xa bị hiện vô tang-chứng
 Có liên can đến chiến-thuật xông pha,
 Cá-nhân phải tự đòi là phần-tử
 Của Loài Người muốn thế-hệ xấp xỉ,
 Không vội lấy bại tiếng làm khổ sở,
 Thắng chẳng riêng mà chỉ tự-kien đầu,
 Phải hăng hái xã-phận theo lý-tưởng
 Mà tất cả Loài Người nhận đích-chung,
 Mà cá-nhân tâm trí đều sùng-thượng
 Sau khi đem suy-lý đến kỳ-cùng,
 Phải vui sống với một lòng tin-tưởng
 Ở thành công cứu cánh của Loài Người
 Chỉ có thể vô địch như xừng đàng
 Là Hoá-Công dựng đất, mở mang trời.
 Lý-thuyết: «Người lấy người làm đối thủ»
 Là hoàn-hoà chinh-chiến giữa Loài Người,
 Là lý-thuyết khinh nhơn Nhân-Loại quá,
 Rẻ giá trị nhân sinh đến tuyệt vời.
 Nhân-Loại hiện-nhiên là một thái cực
 Thì phải mang sánh với một vô cùng
 Đã không thể sao là Nhân-Loại được,

Hỏi còn ai mợ? — yêu ngoài Hoá công.
 Vì định luật bên thiên trong vũ trụ,
 Tự-nhiên đio-thải, tích-ta sinh-tồn,
 Vì là sức mạnh quai vòng kim cổ,
 Thời-thời-giờ mong mở cánh càn khôn,
 Đàng lo thay-mở thế nhận mãnh lực
 Nên đừng yếm khinh-tiểu để rồi vùi trong
 Vì đàng yếm, đời gông-kiếm cù ly bước,
 Sẽ mang lại liêu vong, nạn thảm thương.
 Trống tiền đả, song phách chi lấp mắt
 Có khai hóa cũng chỉ nhất thời
 Chính lẽ-loi, chia-rẽ và rơi rạc
 Sinh ra mầm hỗn-độn, trái ngang hoài,
 Rồi hao mòn, suy nhược đâm chồi mãi,
 Rồi lê liệt theo sau kết trật sâu
 Khác chi kẻ, chốn phòng riêng, tự hại
 Bại hương thơm ngát thế giữa trăm màu...
 Không những phải ngược, xuôi vồn, mới cũ
 Mới có cơ tiến bước dưới trời xanh,
 Bao nhân-lực đó đây trong hoàn vũ
 Phải cùng nhau hợp-nhất với liên-minh
 Cùng luống sức thiên nhiên, luống g-thích hợp
 Với tình người, đề trần áp, lui dần
 Luống mãnh-lực đối phương chân lớp lớp
 Cõi nhân sinh lập-loạng ảnh xoay vần.
 Theo đạo-lý vũ-g-vàng xây mộng lãng
 Trên bảo tồn nhân tính rất hay hoàng
 Lấy nguồn gốc, cao siêu làm lý-lượng,
 Làm quy mô hành động khi hiện ngang.

(Còn nữa)
 M. T.

BIA VĂN-MIẾU

NHUNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 63

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỔ

21. — Nguyễn-thuần-Hồ, người làng Trà-mạt, huyện Thiên-thị, phủ Khoái-châu (nay là Hưng-yên), trấn Sơn-nam. Nam 19 tuổi đỗ đệ-nhi giáp tiến-sĩ xuất-thân khoa đình-mùi, hiệu Hồng-đức thứ 18 (tức nam 1487) đời vua Lê Thánh-Tông. Làm quan đến chức giám-sát ngự-sử (chép theo bia Văn-miếu, sách *Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 34 a, và *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 71 a).

22. — Phạm-Nhiệt, người làng Quỳnh Khê, huyện Kim thành, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Đỗ đệ-nhi giáp tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Nam tân-mùi 1511 hiệu Hồng-thuận làm Hộ-bộ hữu-thi-lang, phụng mệnh coi thi điện, rồi thăng đến thượng thư. Khi Trần-Cảo tiến ngôi, ông Phạm-Hiệu theo mệnh-lệnh của Trần-Cảo. Kịp khi Trần-Cảo thua chạy, ông phải tội hán-hình. Ông là dòng-dõi ông Phạm-Mại đời Trần. Đến cháu là Phạm-gia-Mỗ (đời đến làng Lê-xá, huyện Nghi-dương) (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 91 a). Ông Phạm-gia-Mỗ đỗ tiến-sĩ năm 1505

23. — Nguyễn-quảng-Trinh, người làng Hoàng-gia, huyện Cầm-giàng, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ đệ-nhi giáp tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487 (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 29 b).

24. — Đỗ-Đạt, người làng Nguyễn-xá, huyện Thạch-thất, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Năm 38

tuổi đỗ đệ-nhi giáp tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức giám-sát ngự-sử (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 34 b, *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 38 b)

25. — Trần-Hoành, người làng Ngọc-trại, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ đệ-nhi giáp tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức Hàn-lâm. Ông giỏi thơ, hay họa văn ngự-chế (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 43 a). Có ba bài thơ cận-thể còn chép trong bộ *Toán-Việt thi lục* (quyển 14-16, bản sao của Trương Bác-cổ, số A 1262), là bài *Tự gia tướng sĩ* (cả tướng sĩ nhớ nhà), *Lục-vân động* (động Lục-vân), *Anh-tài tử* (người anh-tài): ba bài đều họa văn thơ vua Lê Thánh-tông.

26. — Phạm Bảo, người làng Phi-xá, huyện Đại-an, phủ Nghĩa-hưng, trấn Sơn-nam. Đỗ đệ-nhi giáp tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức phó đô-ngự-sử (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 97 b-98 a).

27. — Trần-Bân, người làng Lạc-dòng, huyện Tân-minh, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Đỗ đệ-nhi giáp tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức Lại-bộ thượng thư kiêm Quốc-tử-giám tế-tử (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 75 b). *Đặng khoa lục* (quyển 1, tờ 34 b) chép ông làm quan đến đô-ngự-sử

28. — Vũ-Đôn, người làng Mộ-trạch, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ đệ-nhi giáp tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức tư-huấn. Ông là cháu (cháu gọi bằng bác) ông Vũ-Hữu, đỗ đệ-nhi giáp tiến-sĩ năm 1463, ông họ ông Đinh-Lương, đỗ tam giáp nam 1643, cụ họ ông Đinh-Lâm, đỗ đệ-nhi giáp năm 1670, viễn-tổ ông Đinh-Thiều, đỗ tam-giáp năm 1680, và Đinh-Ân đỗ tam-giáp năm 1712 (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 13 a).

29. — Đặng-minh-Khiêm, tên tự là Trinh-dự, tên hiệu là Thoát-hiên, vốn là người làng Thiên-lộc, huyện Thiên-lộc, trấn Nghệ-an, dòng-dõi ông Đặng-Tất và Đặng-Dung là những bậc trung-thần đời Trần. Sau đời đến ở làng Mạo-bồ, huyện Sơn-vi, phủ Lâm-thao, trấn Sơn-tây. Cha là ông Đặng Di, đỗ hoàng-giáp khoa qui-dậu 1453, làm quan đến chức tham-chính. Năm 32 tuổi ông Đặng-minh-Khiêm đỗ đệ-nhi giáp tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Cùng em là ông Tân đỗ cùng bảng-Năm tân-dậu 1504, niên-hiệu Cảnh-thống, làm Hàn-lâm-viện thi-thư, kiêm chức tư-huấn ở Tú-lâm-cục, phụng mệnh sung chức phó-sứ sang cống nhà Minh. Năm kỷ-tỵ 1509, lại đi sứ Tàu, thiên chức Lại-bộ tả-thị-lang. Nam canh-ngọ 1510, thăng chức Triều-liệt đại-phu, Lại-bộ tả-thị-lang, giám-sát. Năm tân-mùi 1511, coi điện-thí. Khoảng niên-hiệu Quang-thiệu (1516-1526) làm Lễ-bộ thượng-thư, kiêm chức Sử-quán phó đô-tổng-lại, coi Chiêu-văn-quán Tú-lâm-cục, phụng-mệnh sửa lại bộ *Đại-Việt sử ký*.

1. Sách *Lịch-triều hiến-cương* của ông Phan-huy-Chú (*Nhân-quật chí*, quyển 11, bản sao của Tri ông Bắc-cổ, số A 50, trang 122-123) khen ông Minh-Khiêm là người học-vấn bác-nhã, có tiết-tháo khảng-khải. Một-bấy giờ trong nước gặp nhiều biến-cổ, ông Minh-Khiêm một mực giữ phong-thái trung-trực ở chốn triều-đình, có tính cương nghị, không ai cạy uyển nôi, giữ mình bằng lính ngay thẳng, không hề a-đua theo ai. Biết việc đời không thể làm được, chỉ mượn sách-vở ngâm-vịnh để tiêu-khiên. Lời văn thanh-thoát, ý văn đời-dào, được đời truyền tụng. Kể về văn-học, về tiết-tháo, ông là bậc danh-nho đầu triều Lê. Sử khen ông không xấu-hỗ-với khoa-danh; dư-luận cho ông thế là xứng-đáng làm con cháu ông Tắt, ông Dung v.

Bộ *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê-quí-Đôn (bản sao của Bác-cổ, số A 1262, quyển 15) chép « ông Minh-Khêm lúc bé có nết học... thường xem Nam-sử các bậc đế-vương, hậu-phi, công-hầu, sĩ-thư, phụ-phụ, hết thấy có thơ đề phẩm, đặt tên là *Việt-giám vịnh-sử thi-tập*, có lưu-hành trong đời ». Hiện còn 125 bài thơ cận-thể chép trong bộ *Toàn-Việt thi-lục* : lịch-đại đế-vương, từ bài thứ nhất đến bài 47 ; thần-linh, từ bài 48 đến bài 52 ; danh thần, từ bài 58 đến bài 75 ; danh-nho, từ bài 76 đến bài

Hộp thư

— Chúng tôi nhận được cái ngân phiếu số 043887 195 4 \$ của một bạn đọc gửi trả tiền báo, (nhưng lại đưa nhầm sang tòa báo Volonté-Indoennoise),

Vậy bạn đọc nào đã gửi số tiền đó xin cho biết để chúng tôi vào sổ.

fy trệ sự Trữ Tâm /

85; tiết-ngự, từ bài 87 đến bài
97; giáng-đầu, từ bài 98 đến bài
108; hạ-thứ, từ bài 109 đến bài
110; hậu-phí, từ bài 111 đến bài
119; công-chúa, từ bài 120 đến
123; hội-trũ, từ bài 123 đến bài
125.

Ông Đặng-minh-Khiêm (1516-1520) du hành
Lê Chiêu-ông (1516-1520) du hành
nạn (tây lạng) mất ở Hoa-lầu,
tho hơn 70 tuổi. Ông là ông Đặng-
tùng-Cử, đỗ tiến sĩ khoa giáp Thìn
1484, làm quan đến Đồng-tác đại-
học-sĩ, chức Hàn lâm tham-
chương. Ông Đặng-Tán đã nói trên
kia, cũng làm quan đến Lại bộ tả-
thị-lang: ba anh em cùng làm quan
một triều, hai anh em cùng đỗ một
khoa. Ông Đặng-minh-Khiêm là
cháu họ (cháu gọi bằng chú) ông
Đặng Thận và Đặng-Điền ở huyện
Lập-thạch: ông Đặng-Thận đỗ tam-
giáp năm 1484; ông Đặng-Điền
cũng đỗ tam-giáp năm 1490 (Đặng
khoa lục, quyển 1, tờ 3 b; Đặng
khoa bị khảo, quyển Sơn-tây, tờ
76 a).

30. — Trần Kỳ, người làng Yên-
thái, huyện Thiệu Hóa, phủ Kê-
lông, trấn Sơn nam Đổ : || gáp
tiến sĩ khoa đình-mùi 1487, làm
quan đến chức Đồng-tác hiệu-thư
(Đặng khoa bị khảo, quyển Sơn
nam, tờ 100 a 100 b) *Đặng*
khoa lục (quyển I, tờ 35 a) chép
ông làm quan đến chức Hàn-lâm,
Ông có làm ba bài hơ cận thể còn
chép trong bộ *Toản-Việt thi lục*
(quyển 14 16) : bài thứ nhất là
Tứ gia tướng sĩ (cả tướng sĩ
nhớ nhá), bài thứ hai là *Lục phản*
động : bài này phụng họa rưng
chế; bài thứ ba là *Vạn-Thành-*
tổng Thuần hoàng đế.

(còn nữa)

Ủng hộ NGUYỄN VĂN TỐ

Những lời di chúc...

Tiếp theo trang 13)

Tục truyền: Trước cảnh thảm trạng của gia đình ông, ông bèn nhớ tới lời khuyên của một viên tướng Tàu là Hoàng Phúc.

Hoàng Phúc vốn gởi đũa lấy khi
về tới ngôi mộ tổ nhà ông
khuyến hèn cất di tể đoán rằng:

Chỉ kê mạch dẫn

Hỏa thần ngự di b

(Kiều dẫu ở làng Nhị Khê hạnh
ngân, người có ngôi mộ táng ở
huyệt ấy tất sẽ bị cái thảm họa
tru di).

Ông Nguyễn Tài trước không nghe, nay tái họa tru di quả đã tới, ông bèn than câu cuối rằng:

— « Thật lấy làm hối - hận vì không nghe lời Hoàng Phúc ! »

Ông nói dứt lời, viên đao-
thủ-plù liền kết liễu đời ông chỉ
vì sắc đẹp một người tỷ thiếp mà
bị nghi oan nên phải ngàn thu đi
bán!

Dẫu vậy, câu chuyện không nghe Hoàng Phúc này, người cũng chỉ nên nhả, lại mà chơi, chứ việc phang-thủy huyền học, không dễ hiểu được.

(Còn nữa)

PHẠM MẠNH PHẤN

Nên mua : cho các trẻ em đọc :

TÂN NỮ HUÂN CA

(đã được giải thưởng hội
Khai tử)

Glá 0\$20 - Euróg 0\$08

bản tại :

hiệu sách Đông Tây
195 phố hàng Bông Hanoi
(giữ bằng tem (cò) cung được)

Các bức khoa-hàng

huyện Thọ-xương và huyện¹ Vĩnh-thuận

Số 2

Điệt-Lam TRAN-HUY BÁ

37) **Vũ Phan**, 23 tuổi, người Tự-tháp, đỗ tam giáp tiến-sĩ thứ ba, khoa bính-tuất, đời Minh-mạng thứ 7 (1826), quan đến Tổng-đốc.

38) **Nguyễn-văn-Thắng**, 24 tuổi, người An-thái, đỗ tam-giáp tiến sĩ thứ 8, đồng khoa với ông Vũ Phan.

39) **Nguyễn văn Lý**, 38 tuổi, người Đông-lác, đỗ tam giáp tiến-sĩ thứ nhất, khoa nhâm-thìn, đời Minh-mạng thứ 13 (1832), quan đến chức án-sát sứ. Khi ông đỗ, các quan-thân hàng huyện có mừng một bài thơ Đường-luật rằng:

*Đông-lác, Thọ-xương chi vọng ấp,
Nguyễn-môn lũy thể xuất-trần thân.
Bách niên tổ nghiệp năng tồn cự,
Vạn lý tiền trình khả tri thân.
Tự cổ khoa-danh suy phiên tịch,
Như kim lễ-nghĩa thuộc ngó nhân.
Y quan, văn-vật bang kỳ địa,
Cương-linh phong thanh hựu nhất tán.*

40) **Diệp xuân-Thung**, 31 tuổi, người Phúc-lô, đỗ phó-bảng thứ 6 khoa mậu-tuất, đời Minh-mạng thứ 19 (1838), quan đến Ngự-sử.

41) **Nguyễn-văn-Siêu**, 43 tuổi, người Dũng-thọ, đỗ phó-bảng thứ chín, cùng khoa với ông Diệp-xuân-Thung, quan đến án-sát, phải dăng xuống Thị-độc, dạy được nhiều học trò thành đạt, có cho ra đời cuốn Phương-định thi-văn-tập.

42) **Trương Ý**, 29 tuổi, người Thịnh-hào, đỗ phó bảng thứ nhất, khoa định-mùi, đời Thiệu-trị thứ bảy (1847), quan chưởng-ấn.

43) **Hoàng-xuân-Hiệp**, 27 tuổi, người Dũng-thọ, đỗ nhất-giáp tiến-sĩ thứ ba, khoa tân-hợi, đời Tự-đức thứ tư (1851) quan tập-hiền thị-giảng.

44) **Trần-huy-Tích**, 24 tuổi, người Dũng-thọ, đỗ tam-giáp cát-sĩ thứ ba, khoa tân-hợi, đời Tự-đức thứ tư (1851), quan đến đốc-học rồi cáo hồi.

45) **Phạm-hy-Lượng**, 29 tuổi, người Nam ngư, đỗ phó-bảng thứ tư khoa nhâm-tuất, đời Tự-đức thứ 15 (1862).

46) **Thành-ngọc-Uân**, 31 tuổi, người Bạch mai, đỗ phó bảng thứ nhất, khoa â-t-sử, đời Tự-đức thứ 18 (1865), quan đến toản-tu.

47) **Vũ-Như**, 29 tuổi, người Kim-cồ, đỗ nhị giáp tiến sĩ thứ nhất, khoa mậu-thìn, đời Tự-đức thứ 21 (1868).

48) **Trần-huy-Liên**, 46 tuổi, người Xuân-kê, đỗ phó-bảng thứ hai, khoa kỷ-mão, đời Tự-đức thứ 32, (1879), quan thị-giảng.

Đây là các bức đại-khoa, còn Trung-Khoa thì nhiều lắm, nhất là hồi Minh-mạng, trong huyện Thọ-xương, văn-vật tiến-triển rất thịnh, vì thế nên năm nhâm-thìn đời Minh-mạng thứ 13 (1832), các thân-sĩ trong hàng huyện từ tú-tài trở lên, được tất cả hơn 70 người, đã cùng nhau mưu dựng một ngôi

đền gọi là «Thọ-xương tiên-hiền từ» để thờ các vị tiên-hiền trong huyện. Đền ấy bây giờ vẫn còn thuộc phường Bạch mai, bên cạnh đình Đại, (xem lại bản đồ đăng ở T. T. số 108). Quy-mô cũng sang-khải. Chính-tâm một ngôi 3 gian, giữa có đặt một tấm bảng đề tên các bức khoa-mục. Ngoài có một ngôi bái-đường 5 gian; gần hương-án có hai lực-sĩ bằg đá đứng chầu. Hai bên tả hữu vu, có xây 2 lầu: một bên dựng bia, một bên đề cái khánh đá (1). Trước cửa bái đường xây bốn cột trụ rất to. Sau nhà chính-tâm có xây một ngôi nhà đề cho người thủ-từ ở trông nom. Trong ngôi đền ấy có nhiều câu đối của các bức khoa bảng làm ra, tôi xin chép một vài câu như sau này:

Lễ nhạc dĩ thời tân, thiên lý nhân tâm khan vũ-trụ;

Khoa-mục tông nhân trọng sử thư phát lục chiếu xuân-thu.

Uyên nguyên hữu tự lai, Lỗ quốc nho thử trưng cự lục;

Thanh-danh chi sở tụy, thương kỳ lễ tục ngưỡng di huy.

Khoa-giáp liên phương, tinh-tự uyên kim minh trụ-giám;

Văn-chương tiêu vĩ, phong-thanh chung cổ thụ giao-kỳ.

Tài xuất đạo hạnh, Quang-thuận dĩ lai sở bách thể chi văn-chương đức-nghiệp;

Địa linh nhân kiệt, Vĩnh-xương tự tích thiên dư niên chi văn-vật thanh-danh.

Thiên niên phong-hoa lưu dư địa;

Vạn cổ thanh-danh tiếp cổ giao.

Đại tự

Văn hiền túc chứng.

Đại để còn nhiều câu khác nữa, ý nghĩa cũng tương-tự như thế. Nay muốn biết hồi ấy các nhà thân-sĩ có cái nhiệt-tâm đối với văn-học như thế nào, xin xem bài văn bia dựng ở ngôi đền Tiên-hiền thì sẽ rõ :

Bài bia-ký ở đền Tiên - hiền
huyện Thọ xương, xin tạm dịch
như sau này :

Mong theo bậc hiền-triết, là cái chuẩn-dịch của kẻ học giả; thờ phụng các đấng Tiên-hiền, là quy-tắc của điều lễ vậy. Huyện ta từ xưa vẫn gọi là Vĩnh-xương, trải nhà Lý đến nhà Lê, vẫn là một nơi thanh-danh văn-vật nghìn năm ở chốn đô thánh.

* Các bậc Tiên - công ngày trước, nhờ khí anh-linh chung đúc, thấm nhuần phong-giáo, từ đời Quang-Thuận (1460-1469) trở về sau, văn-chương đức nghiệp khoa-hoạn đời đời càng nổi theo ra: há không phải là một huyện sống thịnh ư ?

« Trước kia vẫn có đền thờ các đấng Tiên-hiền, đến cuộc biến-cổ hồi Tây-Sơn (1788-1801) nền cũ mất hẳn! Kịp đến Bản-triều, thịnh-trị đã ngoài 30 năm, việc trị-giáo ngày thêm mới.

« Lũ ta nhờ, vì dốc-khánh tư-vấn, nên theo về đường khoa-hoạn, được đỗ-dạt không phải là ít. Thế mà đền thờ các vị Tiên-hiền cứ bỏ khuyết mãi sao đành !

Vì thế năm Nhâm-thìn (1832), các thân-sĩ trong huyện nghĩ đến các vị Tiên-hiền như núi cao, như đường rộng, bèn dựng nên một ngôi đền, để việc tự-diễn được muôn đời bất tận.

« Nam Bình-thần, các thần-sĩ
đem việc ấy bàn với ông Vũ-Hoàn-
phủ (Vũ-như-Phan) là vị tiến-sĩ

Thống chế Pétain
đã nói :

« Chúng ta hãy làm việc nhiều hơn trước, sản xuất tăng thêm và suy nghĩ chi lý hơn. »

kl oa Bình-tuất (1829), người thôn
Tự-tháp. Rồi cùng dựng nên một
ngôi đền ở phía nam huyện, thuộc
phường Hồng-mai. Ngôi đền chính
xây cuốn toàn bằng gạch. Trước
cửa là phía đông, dựng nhà bài-
đường năm gian. Cả giải-vũ hai
bên tả hữu cũng xây bằng gạch.
Cột trụ và lương, bao bọc xung-
quanh, đều xây gạch đắp vẽ hoa
lá. Rồi đặt tất cả ruộng ao được
tám mẫu, bảy sào, mười thước,
cùng hơn một mẫu làm nơi tự-sở.
Ao ruộng ấy giao cho người trong
phương này (Hồng-mai) cày cấy
lấy hoa lợi để cung việc quân-thu
tế-tư muôn năm.

• Công việc xây-dựng trải vài nam đã trọn-vẹn. Ôi! việc danh-giáo, hoặc giả cũng nhờ đó mà mở rộng thêm chăng? Chẳng thể sao lại có thịnh-cử được như vậy?

« Lúc mới đầu các thân-sĩ
xướng lên việc đó, thì được ngay
ông Bùi-huy-Tùng là người phòng
Hà-khẩu trong huyện, Vốn bỏ của
nhà ra hàng nghìn, lại tự mình
đốc-suất trông coi xây dựng cho
được trọn vẹn. Nếu không phải là
việc công đáng san-sóc, thì ai đã
có thể khêu nên như vậy ?

« Thế mới biết rằng nhưng việc
chỉ-thiết chỉ một trong khoảng vụ
tự này không lo không có người
làm; mà đã có người làm, thì
không có việc gì là khổ cả.

« Việc mà nên được, cũng bõ
hợp với nhẽ giới, thuận với thần
minh, nên được lễ nhạc trong một
châu, nhân-thu muôn đời hương
khói, trên có thể noi được thời tốt
vừa các dưng hiến-triết, dưới có
thể mở được đường tu tiến cho
người sau, thì dù giản-uoc cũng
có thể nên được người quân-tư
trong một làng. hay là một bực
tiên-sinh trong một xã. Nếu rông
ra, thì giúp chúa và cứu dân. Như
thế thực là một diễm tốt vậy.

Xin kính cần làm bài kỳ này.

« Ngày tốt, tháng trọng hạ, mậu tuất, nam thứ mười chín (1838 trong muôn vạn nam triều vua Minh mạng.

Kẻ hậu học là Nguyễn-van Lý
đồng tiến sĩ xuất thân giáp thứ ba
khoa Nhâm thìn.(1832)ước Trung
thuận đại phu, sung lang trung
bổ Lại *bái soạn.*

« Hà Quyền, hiệu Tồn phủ, do
tiến-sĩ xuất-thân giáp thứ ba, đỗ
đầu khoa Hội-thi Ấn-Hoa năm
nhâm-ngọ (1822), tước Trung-
phụng đại-phu, làm chức hữu
tham-tri bộ Lại, sung hiện viên
Nội-các, *nhuận chính*.

(Hải)

Biệt Lam TRAN HUY BA

(1) Có hai mình rằng: Khánh lý và
kỉ. chất khế thanh thanh khác là
ở chủ, đạo chí ở hình, quý đũa đo
hiếu, kiêu hùng tự hăng minh, du đũa
thần diệu; từ, đạo chí thanh, tài thệ
kỷ chính; từ nhận chí thanh, thần chí
thần chí, chung là cả thể thể.

Một giai-thoại tặng các nhà viết sử

(Tiếp theo trang 7).

Năm năm sau, một cang vào trước sân rồng, theo sau là một con lừa mang một quyển sách lớn trên lưng. Trong cang, cụ trưởng bạ tu sĩ chỉ còn là một bộ xương bọc da, hơi thở thoi thóp chỉ chờ phút chết, nhưng cũng còn gắng gượng lời dặn dỗ để trọn đạo thầy tử báo đền quân vương.

Tập thể chạy ra giục lối rút:

« Mau lên! Mau lên! Thánh
thi ơng sắp thặng hạ! »

Vua Ba-tư đang nằm trên giường bệnh nghe thấy tiếng động, quay ra ủa lúc chiếc cang và quyền sử lớn vào tới bên long sàng. Nhận ra là Trưởng ban biện soạn, Thế giới sử, vua thở dài:

— « Thế là ta chết mà vẫn chưa được biết lịch sử nhân loại, buồn thay ! »

Nhà bác học, gắng gượng thò cổ
từ trong cống ra nhìn-rây tàu vắng:

— « Lão thần xin tóm tắt hết, sức lịch sử thế-giới đề thánh thượng nghe. Đại khái chỉ có thể này thôi: « Nhân loại ai cũng sinh ra, khổ sở rồi chết ».

Vua nghe xong, gật đầu, rồi tắt
thở. Trên cung, nhà sư-học cũng
thở hơi cuối cùng!

Và quyền sử lại được cất (đào)
khô làm-quốc bảo.

Nhà làm sử nghe xong câu chuyện, cười lớn : « Lại chuyện của ông Anatole France kể trong quyển *La Vie littéraire* rồi ? »

Bạn cười mà không đáp, khe
khẽ ngậm mấy câu thơ của Lý-
Bạch. Nhà làm sử đề mặc bạn
ngậm thơ, lại cúi xuống chép nốt
đoạn sách đang viết dở. 1

Ngoài vườn nắng vẫn hồng. Giỏi
vân xanh, gió vẫn mát, khuyến
dàng vấp vẹo. Thì ra cuộc đời vẫn
sống lắm.

ÁI-LANG và BÍCH-CẦU

- (1) Histoire de la Chine — G. S. Morant.
- (2) Histoire universelle — Collection Larousse tome I.
- (3) Les civilisations de l'Orient — René Grousset.
- (4) Civilisation Persé (l'Orient) René Grousset.
- (5) Marzbân (Tò ng đố c)
- (6) Rad (Quá i tư ưởng)
- (7) Shâhrikan (Quý lậ c đ i ệ n đ i ệ n lậ c)
- (8) Dikhan (Quý lậ c đ i ệ n đ i ệ n lậ c)
- (9) La Perse — André Godart.
- (10) La vie littéraire — Ana ole France
- (11) Les civilisations de l'Orient. René Grousset
- (12) L'Orient et la Grèce — Mal. t. et Isaac.
- (13) Histoire de la Grèce ancienne — Jean Hatzfeld.
- (14) Assieds-toi sur le gazon, mon idole; avant peu, ce même gazon croîra de ma poussière et de la tienne. (238. Les civilisations de l'Orient

— Traduction, René Grondset)
(15) Nous rencontrer un jour, toi et moi, dans la plaine : nous en aller, toi et moi seuls, hors la ville. Tu le sais comme nous serions bien ensemble, toi et moi, alors qu'il n'y aurait là que toi et moi. (Quatreins — Trad. Massé)

Giới thiệu

Chúng tôi vừa nhận được :

1) *Cải tạo sinh lực* của P. N.
 Khuê do nhà Hàn Thuyên xuất bản.

2) *Viết sử giai thoại của Đào*
trình Nhất — Cộng Lực xuất bản
giá 2\$00.

3.) *Nhà trình thẩm tỳ hạn của Nguyễn phú Đốc. Sách Hoa Mai của Công Lực* giá 0\$20.

4) Công chúa Bạch Tuyết và bảy thằng lùn của Micro — sách Hoa Mai của Cộng Lực giá 0\$ 20.

5-) *Triết-học đại cương của*
Lam Giang trong tủ sách học thuật
của Quốc-học thư xã giá 3\$ 00.

C) *Đàn bà và nhà văn của*
 Kiều-thanh-Quế — Tàn Việt xuất
 bản giá 1\$20.

Xin thành thực cảm tạ các nhà
tặng sách và giới thiệu với các
bạn đọc.

T. T.

NHÀ XUẤT BẢN

HÀO - QUANG

Trụ sở 62 Bonard Saigon

Giám đốc : ĐỖ NGỌC QUANG

15 Octobre 1943 sẽ phát hành

NHA NHO

tiểu thuyết của CHU THIÊN

lột thế hệ !

Một nhân vật !

và cả một linh hồn !

Giá: 4\$50

Tổng phát hành

HÀN - THU YÊN

71 Tiên tsin Hanoi

Lối văn diễn-thuyết...

Tiếp theo trang 20...

« Nay người Thanh không soi gương Tống. Nguyên Minh lại sang mưu chiếm nước Nam ta đặt làm quận huyện! Vậy ta phải vùng ra mà khu trừ đi!

« Các anh em, hạng người có trí-thức, có tài-năng, phải cùng ta đồng lòng gắng sức, khiến cho việc lớn được nên, chứ đừng giở thói phản-trắc, nhĩ tâm đó. Hễ việc lộ ra, ta quyết giết chết, không tha một ai. Bấy giờ đừng trách ta không báo trước ». (9)

Cảm-kích vô hạn! Phấn-khởi vô hạn! Chư quân rầm-rập vâng mạng, thề-không hai lòng. Rồi những chiến-công oanh-liệt: phá đồn Hà-hội ở phủ Thương-tín (Hà-đông), hạ đồn Ngọc-hội ở huyện Thanh-tri (Hà-đông), giết năm-Nghi-Đổng ở Đông-Đa, phá xát hàng vạn quân Thanh ở đầm Mực (Mạ-đầm, thuộc làng Quỳnh-đô, tổng Cổ-diên, huyện Thanh-tri, tỉnh Hà-đông), đánh gãy chiếc cầu phao trên sông Cái làm cho quân Thanh chết đuối quá nửa đến nỗi nghẹn tắc cả khúc sông từ Tây-luông (khoảng gần đầu cầu Doumer bên Hà-nội bây giờ) sang Bồ-đề (Gia-lâm), phải chằng đó là bông đẹp trái thơm nẩy từ bài diễn-thuyết cứng như sắt, rắn như đá, kia của khách anh-hùng áo vải?

Vậy biết diễn-văn cũng có nhiều lối. Lối mà mấy bậc vĩ nhân nước ta đã dùng đó chính là lối « công-chúng chính luận ». Lối này cốt trọng ở ý, cho nên

lời ít mà có thể thu hiệu được

nhiều. Lối này phải là lối lời tâm huyết chân thành mới rung động được trái tim người nghe, mới thức-giác được họ vui-vẻ háng-hải xông vào nước sôi lửa nóng. Mấy trang sử chiến thắng viết bằng chữ và ng ngữ-rõ của hai vị anh-hùng Lê Tổ, Quang-Trung chính là dấu-hiệu những tiếng « võ tạc » hùng-kien dưới ảnh-hưởng của mấy lời diễn-thuyết này lửa mà bắt lửa đó.

Ài bảo người Nam ta xưa không có những tay diễn-giả phi thường?

Ài bảo văn thi ta xưa không có lối văn diễn-thuyết?

HOA-BẢNG

1) Trong lời bài hịch nói (tên sách ấy là « Bình thư yếu lược », nhưng Khâm định Việt sử quỳển 13, tờ 34 a và Hoàng Việt văn tuyển, quỳển 1, tờ 1 b, đều chép là « Bình gia diệu lý yếu lược »

2) Tên vua Nguyễn Thế-Tổ (1279-1294)

3) Ghê Nguyễn thân tử.

4) Nơi ở của mấy đạo đi lộ

5) Khâm định Việt sử quỳển 13, tờ 15 b-16 a.

6) Khâm định Việt sử, quỳển 13, tờ 16 a.

7) Khâm định Việt sử quỳển 14, tờ 24 b-25 a

8) Có lẽ để giả vờ thừa, vì vua Đinh Tiên hoàng không đánh Tống, trả 1 nào.

9) Nguyễn văn Bình chữ nho có chép trong cuốn An Nam sử không chỉ, sách viết của trước B o 3, số A 22, tờ 35. Đây là bản dịch trích trong cuốn QUANG - TRUNG của tác giả sắp xuất bản.

Văn học phụ nữ
Hải cảng

Hải-phòng là một hải-hâu mới dựng từ đời Tự-đức, sau Nam Triều kỷ nhượng cho Chính phủ Bảo hộ, nên nhà nước sửa-sang tô-chức thành một thị-rong - khu lớn nhất xứ Bắc kỳ.

Vì thế, từ chốn quân-vu, sự phồn-thịnh phát-nhiều-do ở kinh-thương, chữ văn văn-lạc rất là thừa thớt.

Nhưng, có nhân đa nội dưoi nhà cũng nó được một người hiền (Thập-thứ chí ập, và hữu trưng tin) (Luận ngữ) Tuy vào công-vong không sẵn đất, nhưng thông minh ở tính giới. Khi hân-hoa của (thực hành) (phong 40 năm gần đây) tương truyền có một cô con gái đồng-dối, thế gia trong vùng, ra một câu đối kén chồng, mà các văn nhân thi sĩ ở trong thời đều thất-thủ.

Sau không rõ lương lai và nhân duyên nữ-sĩ đó ra sao.

Nay, xin ghi lấy, làm giai-thoại Văn học phụ nữ Việt nam, và trộm-nghĩ những bậc tài tuấn phi-phàm thời nào, chẳng có, mà hiện-dại lại nhiều, vậy mong rằng hải nội chư quân-tử, nghĩ đối chơi đề ngâm nga cho thêm vui trong khi thưởng-nguyệt.

Về ra:

Tổ Tâm như bạch ngọc, từ thời vô nhất điểm phong trần.

素心如白玉,*

四時無一點風塵

(Trong câu ra có tên các lam-tô Tâm, Bạch ngọc, Tứ thời, nhất điểm và phong trần)

LONG-ĐIÊN

CHÁY CUNG CHUÔNG VŨ

Số 5

CUC-THIÊN

Hòa-Đạo theo Đông-hải Đại vương vào chinh chiến. Một cây bạch lạp ở góc điện cao bằng đầu người, chiều to cả gian điện. Ở giữa trên yên sà-h, một cây nến con cũng đương cháy tỏa ánh sáng vàng vạc xuống chông sách và giấy má đang mở bề bìn ở trên án. Ở một cái bàn bên, có một chõng sách nữa, và một thình kiếm chuôi bạc để ngang bên chõng sà-h. Trong cùng là cái giường bình khung để ngai ngà mành sau khi đã làm trọn mọi công việc. Một cái giường gỗ lim chắc chắn, giải chiếu cời, không trang hoàng gì cả, cũng không có màn che. Bên tay phải án sách, có một cái án thờ với hai cái trướng kỷ sơn quang dầu. Tất cả đồ-đạc sơ-sài ấy đủ chứng rõ tu-huế chủ nhân rất suềnh soàng và tiết kiệm, chỉ biết trau tâm đến việc lớn. Cái phong-vi ấy rất cảm động được những bậc anh tài tin theo. Đã thế, Đại vương lại rất thành thực tiếp đãi người ta và rất là niềm-nở hòa-nhã trong khi nói chuyện cũng như là nghe chuyện. Với một vẻ vui tươi vốn-vả thông-thường ấy, thêm vào với giảng diệu thân mật, ngài mời Hòa-Đạo:

— Xin rước công tử ngồi chơi xuống đây cho đỡ mỏi. Trong phòng riêng này thật thiếu cả lễ độ. Nhưng được cái ấm cúng suề soàng hơn. Ta nói chuyện càng dễ. Công tử ngồi.

Hòa-Đạo lễ phép thưa:

— Đại vương đã truyền, tiểu tướng xin vâng mệnh.

Rồi chàng đón đến ngồi xuống.

Đông-hải thân rót chén nước chè ướp cúc để lên án thờ mời:

— Công tử sơi tam chén nước... cúc này, gọi là chén nước lấy-trần mừng công tử từ xa về. Và xin nghe chuyện. Nào trên miền Bắc cận-trạng ra sao?

Hòa-Đạo đỡ lấy chén nước xin phép uống rồi kinh cần nói:

— Thưa Đại vương, tiểu tướng vừa qua miền Bắc mấy hôm, nhận thấy rằng tráng sĩ Phù-ninh đã thực lòng kết thân với họ Trần. Tiểu-tướng được thực kích rõ ràng cuộc nghinh hôn long trọng trên sông Thiên-đức, nhân dân hết sức hoan hỉ ra bãi vọng đen nghịt ở hai bên bờ sông. Tiểu tướng lại được gặp rất nhiều những tay hào-kiệt, đều một lòng ca-lung Tráng sĩ Phù-ninh và tin ở cuộc thái bình vĩnh viễn, chứ không ai dám chịu xél đến mưu mô giáo-quyết của Trần Thủ-Độ. Vậy nên Tiểu-tướng phải vội về trình với Đại-vương.

Đoàn Đông-hải ngồi trầm-ngâm nghĩ ngợi một lúc rồi mới thông thả nói:

— Có lẽ bề ngoài họ làm ra vẻ như vậy. Chứ hình Đại-thắng-vương (1) có viết giấy báo cho tôi biết việc cưới ấy và việc nhận sắc phong là Hoài-đạo vương lại trách cả tôi sao không cũng nhận lời giỗ của Trần Thủ-Độ, cho hẳn hi hửng mừng rồi lại nhân đấy tương kế lỵn, kế vô hấn.

Hòa-Đạo kinh cần ngẩng lời ngay:

— Bẩm thế đại vương đã đáp lại chưa?

Đoàn Đông-hải vẫn điềm-dạm thông-thả giả nhời:

— Chưa? Tôi cũng đi xem họ cưới xin ra làm sao đã.

Hòa-Đạo vội vàng tiếp ngay:

— Bẩm vâng, Đại-vương rồi hãy đáp là phải. Cừ thực tình, tiểu tướng đã xem xét ở đây, thì từ quan đến dân đều một mực vui mừng và tự cao tự đại. Gia-dĩ ngay những bậc cao quan gần gũi Đại-thắng-vương

cũng ra vẻ mãi nguyện làm. Như thế tỏ ra rằng người ta chỉ nghĩ đến lợi, lộc riêng mà quên mất cả đại-nghĩa, bỏ kệ trăm họ muốn ra sao thì ra!

Đoàn Đông-hải gật đầu, khẽ nói:

— Ta cũng hơi ngờ như vậy, nhưng không dám quả quyết như công tử...

Hòa-Đạo vội chữa:

— Không phải tiểu tướng dám quả quyết bảo tất cả các quan quân sĩ thiề miền Bắc đều quên cả việc lớn. Tiểu-tướng nghi rằng Đại-thắng-vương ham tư lợi quá, làm mé hoặc cả thần-tử, để giữ vững lấy danh vọng mình.

— Ta không nên vội đoán thế. Nhưng dù sao những xử-sự của Nguyễn Nộn đối với ta từ trước đến nay cũng có lắm điều đáng trách, làm cho ta mất lòng tin. Cừ những lúc nguy cấp, thì ông ta cầu khẩn đến ta, nói thực như là cời gan cời ruột, còn lúc thường thì ít khi ông ta thực bụng với mình lắm, lúc thoắt thác có này, lúc có khác, đủ thứ. Nên ta chỉ biết tin ở sức ta, chứ tin gì được người. Tuy vậy, trong lúc đánh kẻ thù chung, mà kéo được ông ta về cho mạnh mẽ làm cho quân địch nao-núng, thì tội gì mà chả làm. Vì thế, tôi còn phân vân chưa dám giả nhời ra làm sao. Đại-hợp đủ anh em, và xem mấy anh kia đi quan sát về xem thế nào, rồi ta liệu sau.

Hòa-Đạo cũng ngồi nghĩ một lúc rồi liếp:

— Tâu Đại-vương, tiểu-tướng thiết nghĩ Đại-vương đã hắt vào mặt anh em bề dưới họ Trần mọi lời khinh bỉ sỉ nhục, Đại-vương đã nhõ nước bọt lên mỹ-danh một công chúa nghìn vàng, thì bây giờ cũng nên tỏ nhời thông trách lán-lệ Đại-thắng-vương về cái tội đã phản lại anh em

mà đi đầu thân với kẻ thù. Làm như thế, theo ngu ý vừa tỏ được lòng cao quý trung trực của Đại-vương với hàng-khiết miền Bắc, vừa để thử xem Đại-thắng vương đối đáp lại ra sao, lúc là la-rô được cái lòng của ông ta. Nhưng bằng, ông ta có lia bỏ đại-vương chăng nữa, liên-tướng chắc đại-vương cũng không ngại gì.

— Ta thì trước, sau ta vẫn một mực luôn phù công nghĩa, đánh lại kẻ thù cho đến cùng, dù không có Nguyễn vương kế thân cũng vậy. Ta không sợ gì cả. Vạn giời còn tựa thì ta lấy lại được kinh đô cho nhà Lý, mà vạn giời đã chán, thì cũng vùng vẫy cho đến lúc hai tay buông xuôi. Còn bây giờ Nguyễn Nộn chưa rứt tình giao hiếu với ta, thì ta hãy xem thử xem sao.

— Bẩm vâng, liên-tướng cũng vừa trình vậy. Đại vương viết thư trách Nguyễn vương và nói cả đến công việc đánh họ Trần một thể.

— Phải, tôi cũng định vậy. Để đến mai, đông đủ cả các bậc đàn anh đến họp, ta sẽ bàn về bức thư gửi đi. Lúc này ta cần phải góp nhặt nhiều ý-kiến để đối xử với mưu kế kẻ thù. Ta đã cùng lòng chung sức, tin nhau, thì dù có cô-thế, ta cũng không sợ.

— Bẩm vâng, đại-vương dạy thế, thật là chí lý và mưu phúc lợi cho nhân dân thiên hạ.

Nói vậy, rồi công-tử Hòa-Đạo liền đứng dậy chấp tay, cúi đầu kính cẩn xin phép lui ra:

— Bẩm đại-vương đã định như vậy, liên-tướng xin đại-vương cho

phép lui ra để đại-vương yên tĩnh định đoạt.

Đoàn Đông hải cũng đứng dậy niềm nở nói:

— Vâng, công tử đi nghỉ cho thảnh thơi để mai ta bàn việc...

Ngài thân đưa công tử ra đến mãi ngoài cửa điện.

IV

Trưa hôm sau, tất cả các bậc trưởng-sĩ lưng danh tài giỏi miền Đông về đông-đủ, tề tựu cả ở Chiêu-hiền-các để họp hội đồng bàn về thái-độ đối với trưởng-sĩ Phù-ninh Đại-thắng vương Nguyễn-Nộn. Nghĩa-sĩ Văn-Côi, công tử Thịnh-Nguyên (2), công tử Hòa-Đạo, và nhiều vị nữa đều đến đủ mặt. Cả công tử Đoàn Văn, con giai Đoàn Đông hải Đại-vương cũng được phép sang dự.

Đoàn đại-vương mở đầu cuộc họp, nói rõ ý định của mình và nhắc đến ý-kiến của công tử Hòa-Đạo trình bày tối hôm trước, rồi kết bằng một câu hỏi:

— Vậy các anh em nhận thấy những gì và nghĩ định ra sao, xin cứ thực nói ra để ta cùng bàn.

Đoàn Đông-hải dặt lời, nghĩa-sĩ Văn-Côi liền đứng lên thưa đồng-đạc:

— Bẩm trên có đại-vương, dưới đông đủ các bậc, liên-tướng xin đồng ý với công-tử Hòa-Đạo về mọi điều nhận xét của công-tử. Tien-tướng cũng qua miền Bắc mấy hôm nay, liên-tướng cũng nhận thấy hiện tình như vậy. Tien-tướng lại được trưởng-

sĩ Vệ-Linh dẫn vào dự hội cả ở trong cung. Xem tình hình vui vẻ thỏa mãn của tất cả vua tôi miền Bắc ta có thể ngờ là họ đã phục tùng họ Trần mà phản lại đại nghĩa của chúng ta. Nhưng liên-tướng chỉ dám ngờ thế thôi, chứ không dám quyết quả như công tử Hòa-Đạo.

CHU-THIÊN
(Còn nữa)

(1) Hiệu của Nguyễn-Nộn trước kia
(2) Hai vị anh hùng giúp Hoàng Hải Vương Đoàn Thượng (xem « Chư Ba Thiên » của tác giả).

Sách mới

Truyện cổ nước Nam

của ông Nguyễn-văn Ngọc
(do nhà Thời-Đại xuất bản) gồm có hơn 120 truyện, dài có, ngắn có, thuộc về các lối cổ tích li kỳ của dân sử. Nhiều người ngụ ý bao hiểm, cười đùa thú vị. Thít là một kho vàng vô giá của ông cha để lại làm cái vốn rất quý cho con cháu được nhờ.

Chúng tôi rất vui lòng giới thiệu quyển sách này với độc-giả và mong rằng: « làm người Nam nên biết truyện cổ nước Nam. Tình thần người Nam hiện ra ở đây, tình họa nước Nam muốn lưu lại cũng ở đây »

KHÁI SINH

1) Ngay dân sách, nhà xấp xỉ u đa bi. Ở - như Nguyễn-văn-Ngọc, nguyên đồ 1 q. Hấp đg, mong lã sau, nên gđ: là cổ mại đui g.

Sách mới

HỌC THUYẾT FREUD-

Một học thuyết đã làm chấn động hoàn cầu lần đầu tiên được diễn ra quốc văn do ông
TÔ KIỀU PHƯƠNG. — Giá 2\$50

Đã có bản

Triết lý về Vũ-trụ và Nhân-sinh

của PHAN MẬT Giá 2\$30

Nhà xuất bản TÂN VIỆT

29 — Lamblot. Hanoi

Sắp có bản

SIÊU HÌNH HỌC

của NGUYỄN ĐÌNH THÌ

Một cuốn triết học nhập môn thật dễ hiểu nhưng không tầm thường. Một cuốn triết học sâu sắc được rõ ràng cuộc liên hóa của nền triết học phương Tây. Một cuộc phân tích cặn kẽ, những khuynh hướng và những kết quả mới mẻ nhất của triết học, khoa học hiện đại. Một lúc phẩm đặc biệt trong « Tủ sách triết học TÂN VIỆT »

Những sách của thư xā
ALEXANDRE DE RHODES
ĐA XUẤT BẢN

KIM-VÂN-KIỀU, tome II (trọn bộ)
cả bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
470 trang 17 X 24 tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
bản thường 3\$00 — bản Vergé bouffant 8\$50

CHINH-PHỤ NGÂM

cả bản dịch Pháp-văn của BÙI-VĂN LĂNG
120 trang 17 X 24 — tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
bản thường 1\$50 — bản Đại-La Impérial 5\$00
SẮP XUẤT BẢN

TRUYỆN TRẺ-EM của **PERRAULT**
(Contes de Perrault)

Pháp-văn và Việt văn đối chiếu—Một giai phẩm
về nghề in toàn tranh ảnh và bìa 4 màu
của MẠNH QUỲNH

150 trang khổ album 22 X 32 gồm có 8 truyện
rất lý thú, đã làm vui các trẻ em thế giới từ 300
nam nay

bản thường 2\$50 — bản giấy Đại-La 12\$00
(cước phí như Chinh phụ ngâm)

Quyển Từ-diễn chuyển môn đầu tiên
trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ-ĐIỂN

của Long-Điền, NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC
« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển
tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn.
Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-
văn và ra chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho
xuất bản tập « Văn liêu Từ-diễn » giảng rõ
những tiếng dùng trong quốc văn mà có điển
cổ, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập
sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn
một phần lớn ».

Trích thư của

Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 X 25

Giá bán lẻ có 5\$00

Mua một quyển, xin gửi liền trước thêm
0\$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi — HÀNOI

51, Doumer — HAIPHONG

Muốn hiểu triết-học

Muốn hiểu các thuyết triết học đông, tây

Muốn trở nên triết-sĩ

CÁC BẠN HÃY ĐỌC

TRIẾT-HỌC ————— ĐAI-CƯƠNG

Quốc Học Thư-Xā
xuất-bản và phát hành

Giá mỗi cuốn 3\$00
bản giấy vergé crème 10\$00

bản giấy lệnh-chi 5\$00

cước 1 cuốn 0\$60 mua sách xin trả tiền trước, để

M. LÊ VĂN HÒE
16 bis Tien Tsin Hanoi

Sắp ra

KHÔNG TỪ HỌC-THUYẾT

Một bộ sách khác hẳn các sách nói về
Không Giáo từ xưa tới nay, tựa của cụ Lại Bộ
PHẠM QUỲNH



HÀN THUYỀN

Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »

ĐÃ CÓ BÁN

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?

của **NGHIÊM-TỬ** 2\$50

SẮP PHÁT HÀNH

LUÂN LÝ

THỰC NGHIỆP

của **LÊ VĂN SIÊU** 2\$50
HÀN THUYỀN : 71 Tien Tsin Hanoi

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancéaulme ano